

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

**GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP HÌNH SỰ THEO  
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Hình sự và Tổ tụng hình sự**

**Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS. TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                             |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                                                         | <b>1</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP.....</b>                                                                             | <b>6</b>  |
| 1.1. Tổng quan tình hình .....                                                                                                              | 6         |
| 1.2. Các lĩnh vực giám định Kỹ thuật Hình sự và pháp y Công an nhân dân.....                                                                | 16        |
| 1.3. Nguyên tắc giám định KTHS, quy trình giám định .....                                                                                   | 33        |
| 1.4. Vai trò của giám định tư pháp trong việc giải quyết vụ án hình sự .....                                                                | 42        |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TẠI<br/>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>                                                      | <b>45</b> |
| 2.1. Đặc điểm tình hình an ninh trật tự và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành<br>phố liên quan đến hoạt động giám định tư pháp ..... | 45        |
| 2.2. Thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong việc giải quyết, xử lý các vụ<br>án hình sự tại thành phố Đà Nẵng .....                   | 46        |
| <b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỊNH TƯ<br/>PHÁP .....</b>                                                                  | <b>67</b> |
| 3.1. Dự báo về tình hình liên quan .....                                                                                                    | 67        |
| 3.2. Các giải pháp.....                                                                                                                     | 68        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                       | <b>78</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                                                                                     | <b>80</b> |
| <b>PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                        | <b>83</b> |

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|        |                           |
|--------|---------------------------|
| ANTT   | : An ninh trật tự         |
| BLHS   | : Bộ luật hình sự         |
| BLTTHS | : Bộ luật tố tụng hình sự |
| BCA    | : Bộ công an              |
| CAND   | : Công an nhân dân        |
| CAP    | : Công an phường          |
| CAQ    | : Công an quận            |
| CAH    | : Công an huyện           |
| CATP   | : Công an thành phố       |
| CSND   | : Cảnh sát nhân dân       |
| CSĐT   | : Cảnh sát điều tra       |
| CSGT   | : Cảnh sát giao thông     |
| GDV    | : Giám định viên          |
| KNHT   | : Khám nghiệm hiện trường |
| KHHS   | : Khoa học hình sự        |
| KTHS   | : Kỹ thuật hình sự        |
| PC54   | : Phòng kỹ thuật hình sự  |
| QKV    | : Quân khu 5              |
| TNGT   | : Tai nạn giao thông      |
| TTATXH | : Trật tự an toàn xã hội  |
| TTHS   | : Tố tụng hình sự         |
| VKSND  | : Viện kiểm sát nhân dân  |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Kết luận giám định được Bộ Luật tố tụng hình sự ghi nhận là một trong những nguồn chứng cứ quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Kết luận giám định đúng đắn giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án được chính xác, khách quan đúng pháp luật, góp phần quan trọng đảm bảo trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định đất nước.

Luật giám định tư pháp năm 2012 ra đời đã tạo hành lang pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các tổ chức giám định, giám định viên từng bước được hoàn thiện, số lượng chất lượng kết luận giám định được nâng lên; hệ thống các văn bản ngày càng được ban hành đầy đủ... phục vụ kịp thời cho công tác điều tra truy tố, xét xử. Tuy nhiên vẫn còn những khoảng trống trong giám định như: giám định thương tích trong các vụ TNGT, thương tích trong các vụ cố ý gây thương tích, giám định tâm thần...; thực tiễn xét xử cho thấy có vụ án cả bị hại và bị cáo đều yêu cầu được giám định thương tật. Trường hợp nào được thực hiện và việc giám định lại được quyền thực hiện mấy lần? Đây là vấn đề gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án vì pháp luật còn chung chung.

Tại vụ tai nạn giao thông xảy ra tháng 11/2011 ở Q. Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Nguyễn Tuấn Anh điều khiển xe máy gây tai nạn cho Lê Quốc Bình. Công an ngũ Hành Sơn trung cầu giám định thương tật và kết luận nạn nhân bị tổn hại 27% sức khỏe. Trên cơ sở này Anh không bị xử lý hình sự. Thấy sức khỏe bị tổn hại nghiêm trọng mà tỷ lệ thương tật chỉ có vậy, anh Bình yêu cầu giám định lại nhưng Công an Ngũ Hành Sơn không chấp nhận. Hồ sơ vụ án được chuyển sang tòa giải quyết dân sự, tòa trung cầu giám định lại tỷ lệ thương tật của anh Bình là tổn hại 36% sức khỏe, hồ sơ được chuyển về Công an Ngũ Hành Sơn để khởi tố hình sự. Lúc này Nguyễn Tuấn Anh yêu cầu trung cầu giám định lại sức khỏe của nạn nhân và được chấp nhận nhưng bị hại kiên quyết từ chối vì đã trải qua 5 tháng, các vết thương đều lành, giám định lại sẽ bất lợi cho mình, chính vì vậy vụ án cứ *dùng dằng* giữa khởi tố và không khởi tố hình sự. Kết quả giám định về tỷ lệ thương tật

của nạn nhân có vai trò rất quan trọng. Đây là căn cứ để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố hình sự, để quyết định khung hình phạt của bị can hoặc bị cáo. Thực tế có những vụ án phải trưng cầu nhiều lần và mỗi lần là một kết luận khác nhau. Có ý kiến cho rằng cần phải thành lập một tổ chức giám định pháp y cấp quốc gia gồm những chuyên gia đầu ngành về giám định pháp y với phương tiện tốt nhất để phục vụ công tác. Khi có những kết luận giám định *vênh* nhau, tổ chức này giám định lại và đó là kết luận cuối cùng. Tuy nhiên giám định pháp y là ngành khoa học đặc thù nên phương án trên cũng chưa hẳn là tối ưu. Không thể áp dụng cơ chế hành chính theo kiểu kết luận của tổ chức cao nhất là đáng tin cậy. Nói cách khác giám định viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận của mình. Còn việc cân nhắc xem xét tính đúng đắn, xác thực của các kết luận đó là quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tố tụng và hội đồng xét xử. Trong trường hợp cần thiết hội đồng xét xử có thể triệu tập giám định viên tới đối chất công khai tại phiên xét xử. Quyền quyết định cuối cùng thuộc về Hội đồng xét xử nên Tòa án phải thật sự độc lập thì xét xử mới công minh, khách quan.

Ví dụ nêu trên chứng minh rằng giám định tư pháp – kết luận giám định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bị cáo lẫn bị hại, ảnh hưởng đến quá trình điều tra xét xử và việc pháp luật không quy định rõ ràng cụ thể trong tố tụng hình sự tạo ra những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Xuất phát từ yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội góp phần tạo môi trường thuận lợi, an toàn, ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng cũng như thực hiện các quyết định của Bộ Công an về tăng cường công tác KTTHS trong tình hình mới; việc đánh giá đúng thực trạng công tác giám định tư pháp của lực lượng KTTHS – Công an thành phố Đà Nẵng để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này phục vụ tốt cho công tác điều tra là rất cần thiết, góp phần giải quyết các vụ án một cách khoa học, khách quan; đảm bảo truy tố, xét xử đúng người đúng tội.

Với những lý do trên tôi chọn đề tài “*Giám định tư pháp hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” để làm đề tài luận văn thạc sỹ luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Qua khảo sát, tìm hiểu đã có một vài đề tài nghiên cứu liên quan đến công tác giám định tư pháp, cụ thể:

- Luận văn cử nhân của Hà Kiều Diễm “*Vai trò của giám định pháp y đối với hoạt động điều tra vụ án Hình sự*” năm 2010.

- Luận văn Thạc sỹ của Bùi Văn Hiến “*Giám định dấu vết hình sự trong các vụ TNGT đường bộ trên địa bàn tỉnh Nam Định*” năm 2010.

- Luận văn Thạc sỹ của Lê Văn Hải “*Hoạt động Giám định Kỹ thuật tài liệu phục vụ công tác phòng ngừa, điều tra tội phạm của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai*” năm 2010.

- Luận án Tiến sỹ của Nguyễn Thị Loan “*Giám định tư pháp trong tố tụng Hình sự Việt Nam*” năm 2014.

- Luận án Tiến sỹ của Bùi Quang Anh “*Giám định kỹ thuật hình sự trong điều tra tội phạm của lực lượng CSND*” năm 2016.

Nhưng các đề tài trên chỉ dừng lại ở mức hệ thống lý luận, hoặc chỉ nghiên cứu một lĩnh vực cụ thể, chưa đi sâu vào việc nghiên cứu các lĩnh vực Giám định Kỹ thuật Hình sự và giám định pháp y CAND; chưa nghiên cứu việc trưng cầu giám định, sử dụng kết luận giám định phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Về mặt lý luận, từ trước đến nay tại thành phố Đà Nẵng chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về giám định tư pháp trong tố tụng Hình sự dẫn đến sự thiếu thống nhất trong nhận thức, chưa đánh giá đúng đắn vị trí, tầm quan trọng của hoạt động giám định tư pháp đối với công tác đấu tranh chống tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

- Góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về Giám định tư pháp

- Phát hiện những tồn tại, khiếm khuyết và nguyên nhân của những tồn tại khiếm khuyết trong hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự của thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp phục

vụ điều tra truy tố xét xử ở thành phố Đà Nẵng.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Làm rõ nhận thức về giám định tư pháp; phân tích các quy trình giám định KTHS

- Khảo sát thực trạng hoạt động giám định tư pháp của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, giám định viên, trung cầu giám định, kết luận giám định và sử dụng kết luận giám định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Xây dựng các giải pháp.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Lý luận và thực tiễn giám định tư pháp trong tố tụng hình sự tại thành phố Đà Nẵng

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu các lĩnh vực giám định Kỹ thuật hình sự và pháp y tử thi của phòng KTHS – CATP Đà Nẵng; vai trò của giám định tư pháp hình sự trong giải quyết vụ án hình sự.

- Về địa bàn nghiên cứu khảo sát: địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Về thời gian nghiên cứu, khảo sát: Từ năm 2011 đến năm 2015.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

**5.1. Phương pháp luận:** Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng chống tội phạm bảo vệ an ninh trật tự, các nguyên tắc cơ bản về khoa học pháp lý, khoa học điều tra hình sự, lý luận về hoạt động tố tụng, tội phạm học, lý luận về giám định kỹ thuật hình sự trong Công an nhân dân.

**5.2. Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp tổng kết, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp chuyên gia, phương pháp thực nghiệm và phương pháp trao đổi tọa đàm

*Những đóng góp mới của đề tài*

- Góp phần nâng cao nhận thức lý luận về Giám định tư pháp của cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.

- Phát hiện những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại của hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động giám định tư pháp phục vụ điều tra truy tố xét xử ở thành phố Đà Nẵng.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

*6.1. Ý nghĩa lý luận:* Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ góp phần bổ sung lý luận về giám định kỹ thuật hình sự.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

- Đề tài được sử dụng làm tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu tham khảo, giảng dạy và học tập các bộ môn như Khoa học điều tra về tội phạm, Kỹ thuật hình sự ở các trường Công an nhân dân, tài liệu tham khảo tại thư viện Học viện Khoa học xã hội.

- Đối với các giải pháp đề xuất trong đề tài này, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại thành phố Đà Nẵng có thể tham khảo và vận dụng trong thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về giám định tư pháp

Chương 2: Thực trạng hoạt động giám định tư pháp tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng giám định tư pháp.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

### 1.1. Tổng quan tình hình

#### 1.1.1. Giám định tư pháp ở các quốc gia và ở Việt Nam

Tất cả các quốc gia trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị, tôn giáo, sắc tộc đều đặt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm thành nhiệm vụ quan trọng nhằm đạt được mục tiêu ổn định kinh tế, chính trị và phát triển xã hội. Với tư cách là công cụ đấu tranh phòng, chống tội phạm các quốc gia đều quy định hoạt động giám định tư pháp trong Bộ luật TTHS của nước mình về: cơ quan trung cầu giám định, tổ chức giám định, người giám định, kết luận giám định... Sau đây là một số nét về tổ chức giám định pháp y và kỹ thuật hình sự là bộ phận quan trọng trong hệ thống giám định tư pháp ở một số nước trên thế giới :

#### *Cộng hoà Liên bang Đức*

Ở CHLB Đức có 35 Viện Pháp y thuộc các trường Đại học Tổng hợp trong toàn Liên bang đảm nhiệm việc giám định pháp y tử thi. Tất cả các tử thi cần phải tiến hành giám định pháp y đều được đưa về các Viện Pháp y để giám định. Còn giám định thương tích thì bất kỳ bác sỹ nào thuộc đoàn bác sỹ - Hiệp hội nghề y được của Đức - đều có thể thực hiện. Trong quân đội Đức cũng có những đơn vị y tế được giao nhiệm vụ thực hiện giám định pháp y.

Về lĩnh vực kỹ thuật hình sự: tất cả các cơ quan Cảnh sát các cấp (huyện, thành phố, bang, liên bang) đều có Phòng hoặc Trung tâm kỹ thuật hình sự làm công tác giám định tư pháp kỹ thuật hình sự. Cơ quan điều tra liên bang Đức (BKA) có Viện kỹ thuật hình sự mới được xây dựng lại và hoạt động vào tháng 3.2008 với tổng kinh phí đầu tư trang thiết bị lên tới 53 triệu Euro và là cơ quan kỹ thuật hình sự vào loại hiện đại nhất thế giới.

#### *Cộng hoà Pháp*

Về giám định pháp y, nước Pháp không duy trì hệ thống tổ chức giám định pháp y ở trung ương và địa phương mà có một số Trung tâm pháp y nằm ở một số thành phố lớn của Pháp như Pari, Liông... Đây là những cơ quan nhà nước có chức

năng đào tạo nghề pháp y và thực hiện giám định pháp y của nước Pháp. Đội ngũ giám định viên pháp y của Cộng hoà Pháp rất đông đảo, bao gồm các cán bộ chuyên môn thuộc các Trung tâm pháp y và các bác sỹ thuộc các chuyên khoa ở tất cả các cơ sở y tế (*cả nhà nước và tư nhân*) trên toàn lãnh thổ Pháp. Tuy nhiên, để trở thành giám định viên pháp y thì phải được Toà án lựa chọn, công nhận và đưa vào danh sách giám định viên với điều kiện phải qua đào tạo pháp y 2 năm ở các Trung tâm pháp y nêu trên.

Về kỹ thuật hình sự, ở Pháp có các Trung tâm kỹ thuật hình sự tại các cơ quan cảnh sát cấp tỉnh, mà không có cơ quan quốc gia về kỹ thuật hình sự. Các Trung tâm này có chức năng chính là nghiên cứu và thực hiện giám định kỹ thuật hình sự.

#### *Nhật Bản*

Nhật Bản có cơ quan nghiên cứu quốc gia khoa học Cảnh sát ở trung ương và cơ quan giám định nằm ở 47 Viện nghiên cứu khoa học hình sự ở địa phương, có chức năng như Viện Khoa học hình sự và Phòng kỹ thuật hình sự ở Việt Nam. Nhiệm vụ chính của các cơ quan này là thực hiện giám định tư pháp ở cả hai lĩnh vực kỹ thuật hình sự và pháp y.

#### *Thụy Điển*

Ở lĩnh vực giám định pháp y và pháp y tâm thần, Thụy Điển có Ủy ban Quốc gia về giám định y học, có các phòng giám định y học các cơ quan giám định tư pháp về pháp y và pháp y tâm thần đặt tại các khu vực.

Về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, Thụy Điển có Viện Khoa học hình sự ở cấp quốc gia và Phòng kỹ thuật hình sự ở 21 cơ quan Cảnh sát cấp hạt. Viện Khoa học hình sự có chức năng nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện giám định tư pháp.

#### *Trung Quốc*

Về lĩnh vực pháp y, trước 2006, Trung Quốc ở các ngành Y tế, Công an, Quân đội, Kiểm sát, Toà án và Bộ Tư pháp đều có tổ chức giám định ở 04 cấp hành chính (*trung ương - tỉnh, thành phố - thành phố thuộc tỉnh - huyện*). Từ năm 2006, Trung Quốc tiến hành cải cách tư pháp, đã bỏ pháp y ở ngành Toà án, nhưng lại

thành lập thêm cơ quan giám định xã hội về pháp y. Cơ quan này chủ yếu giám định thương tích nhẹ phục vụ giải quyết các tranh chấp dân sự nhỏ. Hiện nay, ở Trung Quốc lực lượng giám định viên pháp y có số lượng đông đảo nhất (*chiếm 60% tổng số giám định viên*), thứ hai là lực lượng giám định viên của cơ quan giám định xã hội; thứ ba là của Kiểm sát; còn Y tế, Quân đội và Tư pháp chiếm số lượng giám định viên ít nhất. Pháp y Công an và pháp y Kiểm sát đảm trách vai trò chính trong giám định pháp y phục vụ điều tra, xử lý các vụ án hình sự.

Ở lĩnh vực kỹ thuật hình sự, Trung Quốc cũng có cơ quan kỹ thuật hình sự trong hệ thống ngành Công an từ Trung ương đến cấp huyện. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy các cơ quan kỹ thuật hình sự của Công an Trung Quốc cũng giống như của Công an Việt Nam hiện nay.

Thực hiện chủ trương xã hội hoá công tác giám định, ngày 26.02.2005 Thủ tướng Chính phủ Trung Quốc đã ký Nghị định cho phép lập các tổ chức giám định tư pháp tư nhân, chủ yếu ở các lĩnh vực kỹ thuật hình sự ở chuyên ngành giám định chữ viết, chữ ký và vân tay, phục vụ cho việc xác thực các hợp đồng, tài liệu, chúc thư khi công chứng, thế chấp vay vốn ngân hàng... nói chung là phục vụ các giao dịch dân sự, kinh tế. Đến nay, chỉ riêng địa bàn thành phố Bắc Kinh của Trung Quốc đã có 274 Văn phòng giám định tư pháp tư nhân thuộc lĩnh vực kỹ thuật hình sự, hoạt động khá hiệu quả, góp phần tích cực cho hoạt động tham gia tố tụng và đáp ứng nhu cầu giám định ngoài tố tụng, góp phần thiết thực vào việc bảo đảm an toàn cho các giao dịch dân sự, kinh tế, giải quyết các tranh chấp trong nhân dân mà không phải đưa đến toà án. Nghị định của Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp quản lý các tổ chức giám định tư nhân, trong đó quy định rất chặt chẽ về trình độ người giám định, trang bị phương tiện, kinh phí giám định và việc sử dụng kết quả giám định.

### *Hoa Kỳ*

Trong cơ quan điều tra của Hoa Kỳ (FBI) thuộc Bộ Tư pháp có cơ quan kỹ thuật hình sự làm chức năng giám định tư pháp kỹ thuật hình sự khi có trưng cầu của các cơ quan tố tụng. Còn giám định pháp y và pháp y tâm thần thì thuộc chức năng của ngành Y tế.

### *Cộng hòa Singapore*

Singapore là quốc gia nhỏ, dân số ít nên tổ chức bộ máy tư pháp và hỗ trợ tư pháp không giống bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới. Ở Singapore, cơ quan giám định pháp y và kỹ thuật hình sự nằm ngoài lực lượng Cảnh sát, thuộc trung tâm y tế. Tuy nhiên bộ phận tàng thư (*cơ sở dữ liệu*) gen tội phạm, tàng thư căn cước can phạm và giám định dấu vết đường vân thì trực thuộc cơ quan Cảnh sát. Trong giám định gen, khi cần khai thác cơ sở dữ liệu thì cơ quan giám định phải liên hệ với cơ quan Cảnh sát.

### *Vương quốc Anh*

Ở Vương quốc Anh, giám định pháp y và pháp y tâm thần thuộc chức năng của ngành Y tế. Giám định kỹ thuật hình sự được thực hiện trong các phòng thí nghiệm ở các khu vực và 01 viện nghiên cứu, trong đó có 05 phòng thí nghiệm thuộc Chính phủ và 03 phòng thí nghiệm tư nhân.

Trước đây 10-12 năm, Chính phủ Anh quyết định tư nhân hóa và cổ phần hoá (*xã hội hoá*) một số phòng thí nghiệm giám định kỹ thuật hình sự. Lợi ích ban đầu mang lại là khi tư nhân hoá, cổ phần hoá thì Nhà nước thu một khoản tài chính lớn, tạo được sự cạnh tranh giữa các phòng thí nghiệm của nhà nước với tư nhân và giữa các phòng thí nghiệm tư nhân với nhau, huy động được nhiều lực lượng khoa học tham gia, có nhiều phát minh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được thực hiện để nâng cao năng lực giám định.

### *Liên bang Nga*

Năm 2001, Quốc hội Nga ban hành Luật giám định tư pháp, theo đó ở Liên bang Nga, Viện Khoa học hình sự của Bộ Nội vụ Liên bang tổ chức thực hiện tất cả các loại hình giám định tư pháp phục vụ tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan điều tra, không chỉ có giám định kỹ thuật hình sự, mà còn có cả giám định tài chính, xây dựng... Ở Viện Khoa học hình sự cũng có giám định giải quyết các yêu cầu dân sự (*theo yêu cầu của toà án*).

Giám định pháp y cũng chỉ có ở Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng và Cơ quan An ninh. Riêng phương pháp Geraximốp (dựng chân dung người qua hộp sọ) chỉ được tiến hành ở Viện Khoa học hình sự của Bộ Nội vụ.

Những thông tin trên cho thấy, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều coi trọng giám định tư pháp, đều quy định tổ chức mô hình giám định tư pháp tương tự nhau. Có rất nhiều loại giám định khác nhau như giám định pháp y, giám định AND, giám định đường vân, chữ viết... đều hướng đến mục tiêu là xác định sự thật khách quan, khoa học của sự việc; xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm làm căn cứ khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự từ đó không bỏ lọt tội phạm cũng như không làm oan người vô tội.

#### *Việt Nam*

Sự ra đời của Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, các văn bản dưới luật như Nghị định số 117/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (*nay là Chính phủ*) ngày 21 tháng 7 năm 1988 về giám định tư pháp và Điều lệ giám định kỹ thuật hình sự ngày 11 tháng 3 năm 1987; Pháp lệnh giám định tư pháp năm 2004; Nghị định số 67/2005/NĐ-CP, ngày 19/5/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giám định tư pháp; đặc biệt, theo quy định của Luật giám định Tư pháp năm 2012 thì Giám định Kỹ thuật hình sự và giám định pháp y trong CAND chỉ được tiến hành ở Viện KHHS và các phòng KTHS công an cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra các Trung tâm pháp y, pháp y tâm thần khu vực thuộc Bộ y tế; các lĩnh vực giám định tài chính, xây dựng, văn hóa, truyền thông... thuộc các Sở ban ngành chuyên môn tương ứng.

#### **1.1.2. Khái niệm và cơ sở pháp lý của giám định tư pháp**

Theo từ điển Tiếng Việt 2015 – nhà xuất bản Đà Nẵng, thì “*giám định*” là xem xét và xác định bằng phương pháp nghiệp vụ để đưa ra kết luận.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, giám định được hiểu là “*Kiểm tra kết luận về một hiện tượng một vấn đề mà cơ quan Nhà nước cần tìm hiểu và xác định*”. Công việc giám định có thể do một người giám định viên hoặc do một nhóm người có kiến thức, trình độ về lĩnh vực cần giám định và được cơ quan chuyên môn chỉ định [28, tr.110].

Từ điển Bách khoa CAND Việt Nam xác định “ *Giám định là xem xét để kết luận về một hiện tượng hoặc một vấn đề mà cơ quan Nhà nước cần tìm hiểu và kết luận*” [27, tr.519].

Theo “*Giáo trình kỹ thuật hình sự*” (tập I) của Học Viện An ninh nhân dân thì “*Giám định nói chung là dùng kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và kinh nghiệm thực tiễn để nghiên cứu, xét nghiệm, so sánh và có kết luận về một việc, một người, một vật thể, một hiện tượng, một trạng thái, một chứng cứ...giúp cho cơ quan yêu cầu giám định có nhận thức khách quan để nghiên cứu, giải quyết, xử lý vấn đề một cách chính xác trên cơ sở khoa học*” [12, tr.51].

Theo khoản 1 Điều 2 Luật giám định Tư pháp, giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ để kết luận chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của luật này.

Điều 10 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 15 – Bộ luật TTHS 2015 quy định về nguyên tắc xác định sự thật vụ án. Theo đó các cơ quan tố tụng cần “*phải áp dụng mọi biện pháp để xác định sự thật vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ*” khi có vụ việc có dấu hiệu tội phạm xảy ra.

Giám định tư pháp được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Trình tự thủ tục giám định tư pháp được quy định tại nhiều văn bản pháp luật: Bộ luật tố tụng Hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật giám định tư pháp và các văn bản luật chuyên ngành khác. Khi thấy cần giám định về nội dung nào đó, người có thẩm quyền (*người trung cầu giám định bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*) ra Quyết định trung cầu giám định bằng văn bản gửi tổ chức giám định, người có thẩm quyền giám định. Tổ chức hoặc người được trung cầu giám định nhận đối tượng giám định và thực hiện giám định theo quy định. Người có thẩm quyền có thể yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại trong những trường hợp luật định nếu thấy cần thiết. Người thực hiện giám định (giám định viên tư pháp) phải lập hồ sơ giám định, trong đó có biên bản giám định ghi nhận kịp thời đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình thực hiện giám định. Sau khi giám định xong phải ra Kết luận giám định để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Điều 25 Luật giám định tư pháp quy định về trưng cầu giám định tư pháp, theo đó quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định và tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định. Trong điều này cũng nói rõ các nội dung mà quyết định trưng cầu giám định cần phải có. Trong trường hợp trưng cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung thì trong quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định lại hoặc trưng cầu giám định bổ sung.

Điều 28 Luật giám định tư pháp còn quy định về giám định cá nhân, giám định tập thể. Giám định cá nhân là việc giám định do 01 người thực hiện, giám định tập thể là việc giám định do 02 người trở lên thực hiện. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó. Trong trường hợp giám định tập thể thì tất cả những người tham gia đều phải ký vào bản kết luận.

Điều 29 Luật giám định tư pháp quy định về các trường hợp phải thực hiện giám định bổ sung, giám định lại. Điều 32 Luật giám định tư pháp quy định về Kết luận giám định tư pháp, các nội dung mà bản Kết luận giám định tư pháp cần phải có. Điều 33 Luật giám định tư pháp quy định về hồ sơ giám định tư pháp.

Điều 9 của Nghị định số 85/2013/NĐ- CP, ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định về chức năng và nhiệm vụ của Viện KHHS, theo đó thực hiện giám định kỹ thuật hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật giám định tư pháp là một chức năng và nhiệm vụ của Viện KHHS.

Điều 10 của Nghị định số 85/2013/NĐ- CP, ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định về chức năng và nhiệm vụ của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh, theo đó thực hiện giám định kỹ thuật hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật giám định tư pháp là một nhiệm vụ, chức năng của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh.

Khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Luật giám định tư pháp quy định:

Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp bao gồm Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Người giám định tư pháp bao gồm Giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

Giám định viên tư pháp là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

Người giám định tư pháp theo vụ việc là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 18 và Điều 20 của Luật này, được trưng cầu, yêu cầu giám định.

Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là cơ quan, tổ chức đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này, được trưng cầu, yêu cầu giám định.

Có thể thấy chủ thể tiến hành giám định tư pháp bao gồm: Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Theo khoản 4 điều 12 của Luật giám định tư pháp năm 2012 quy định về: Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm: Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an; Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh; Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 9, 10, 11 Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ của Viện KHHS, Phòng KTHS công an các tỉnh, Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, theo đó giám định kỹ thuật hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật giám định tư pháp là một nhiệm vụ, chức năng của các đơn vị này.

Điều 60 Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 68 Bộ Luật TTHS năm 2015 quy định người giám định là người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực cần giám định, được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu, người tham gia tố tụng yêu cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Người giám định có quyền: Tìm hiểu tài liệu của vụ án có liên quan đến đối tượng phải giám định; yêu cầu cơ quan trưng cầu, người tham gia tố tụng yêu cầu giám định cung cấp tài liệu cần thiết cho việc kết luận; tham dự vào việc hỏi cung, lấy lời khai và đặt câu hỏi về những vấn đề có liên quan đến đối tượng giám định;

từ chối thực hiện giám định trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành giám định, các tài liệu cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận, nội dung yêu cầu giám định vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình; ghi riêng ý kiến của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất với kết luận chung trong trường hợp giám định tập thể; các quyền khác theo quy định của Luật giám định tư pháp.

Người giám định có nghĩa vụ: Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện giám định; các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật giám định tư pháp. Người giám định kết luận gian dối hoặc từ chối kết luận giám định mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

Người giám định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau: Đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sự hoặc của bị can, bị cáo; đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người định giá tài sản trong vụ án đó; đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó. Và việc thay đổi người giám định do cơ quan trung cầu giám định quyết định.

Điều 23 Luật giám định tư pháp, quy định về quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp, theo đó người giám định tư pháp có nghĩa vụ: Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định; Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho người trung cầu, yêu cầu giám định biết.

Người giám định từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 308 của Bộ luật hình sự. Người giám định kết luận gian dối thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 307 của Bộ luật hình sự 2003 và Điều 383 – Bộ luật hình sự 2015 .

Qua trao đổi và tìm hiểu thực tiễn tác giả thấy rằng: Các GĐV áp dụng khá tốt quyền của mình để khai thác các thông tin cần thiết cho quá trình giám định.

Điều tra viên cũng tận dụng tối đa những quyền hạn của mình nhằm phục vụ cho công tác điều tra tội phạm như yêu cầu người giám định, cơ quan giám định trả kết quả đúng thời hạn, yêu cầu GĐV giải thích kết luận cho CQĐT, yêu cầu giải thích kết luận trước tòa... Trong các quyết định trưng cầu giám định thường ghi khá rõ nội dung vụ việc xảy ra, tuy nhiên nhiều trường hợp còn thiếu những thông tin cần thiết cho quá trình giám định nên các GĐV thường yêu cầu cơ quan trưng cầu cung cấp thêm; cơ quan trưng cầu cũng thường đáp ứng khá tốt về việc cung cấp thông tin vụ việc với mục đích đưa ra kết luận giám định chính xác, kịp thời.

Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định về việc kết luận giám định; nội dung kết luận giám định phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành giám định, họ và tên, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của người giám định, những người tham gia khi tiến hành giám định, những dấu vết, đồ vật, tài liệu là tất cả những gì đã được giám định, những phương pháp đã được áp dụng và giải đáp những vấn đề đặt ra có căn cứ cụ thể. Cơ quan trưng cầu giám định có thể hỏi thêm người giám định về tình tiết cần thiết và có thể giám định bổ sung hoặc giám định lại.

Điều 73 - Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 100 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định Kết luận giám định là văn bản do cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức giám định lập để kết luận chuyên môn về những vấn đề được trưng cầu, yêu cầu giám định; Cơ quan, tổ chức, cá nhân kết luận về vấn đề được trưng cầu, yêu cầu giám định và phải chịu trách nhiệm về kết luận đó; Nếu việc giám định do tập thể giám định tiến hành thì tất cả thành viên đều ký vào bản kết luận. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì mỗi người ghi ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận giám định thì phải nêu rõ lý do, nếu kết luận chưa rõ hoặc chưa đầy đủ thì quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này; Kết luận giám định của người được trưng cầu giám định thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Khoản 1 - Điều 213 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định Kết luận giám định phải ghi rõ kết quả giám định đối với những nội dung đã được trưng cầu, yêu cầu và những nội dung khác theo quy định của Luật giám định tư pháp.

Điều 155 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 206 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định một số trường hợp sau đây bắt buộc phải trưng cầu giám định bao gồm:

- Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;

- Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó; Nguyên nhân chết người;

- Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động;

- Chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ;

- Mức độ ô nhiễm môi trường.

Cơ quan, người giám định khi kết thúc việc giám định phải có bản kết luận giám định. Nội dung của bản kết luận giám định sẽ đưa ra một trong các dạng kết luận giám định như sau: kết luận khẳng định; kết luận phủ định, kết luận khả năng.

## **1.2. Các lĩnh vực giám định Kỹ thuật Hình sự và pháp y Công an nhân dân**

Giám định Kỹ thuật hình sự là một lĩnh vực giám định tư pháp của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời là biện pháp khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ của ngành Công an. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở ứng dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật và công nghệ để phát hiện, thu thập, giám định dấu vết, mẫu vật, tài liệu, đưa ra kết luận chuyên môn về những vấn đề có liên quan đến các vụ án hình sự. Trong một số trường hợp là vụ việc hành chính, vụ việc dân sự nhưng trong đề tài này, tác giả chỉ tập trung vào giám định liên quan đến vụ việc hình sự theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Hiện nay giám định Kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân gồm các chuyên ngành:

- Giám định dấu vết đường vân;

- Giám định dấu vết cơ học;
- Giám định súng, đạn;
- Giám định tài liệu;
- Giám định cháy nổ;
- Giám định kỹ thuật;
- Giám định âm thanh;
- Giám định sinh học;
- Giám định hóa học;
- Giám định pháp y(*tử thi*).

### **1.2.1. Giám định dấu vết đường vân**

Là quá trình người giám định tiến hành nghiên cứu, phân tích, so sánh, tổng hợp các đặc điểm chung và các đặc điểm riêng của dấu vết đường vân có ở hiện trường với đường vân của đối tượng nghi vấn hoặc những người có liên quan với sự hỗ trợ của các phương tiện khoa học kỹ thuật và công nghệ để truy nguyên đồng nhất nhằm xác định người đã để lại dấu vết đường vân ở hiện trường vụ án phục vụ hoạt động điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự.

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đã chỉ ra rằng: Quá trình phát triển tự nhiên về mặt sinh học của tập hợp đường vân là cá biệt đối với từng người. Trong quá trình đó các đặc điểm cá biệt của đường vân cũng hình thành một cách tự nhiên. Sự sắp xếp các đường vân, vị trí, số lượng các đặc điểm hình thành ngẫu nhiên trong quá trình gấp nếp. Ngày nay người ta khẳng định các đặc điểm cá biệt của đường vân không có sự di truyền; Không có sự giống nhau hoàn toàn của hai dấu vân tay của hai người khác nhau (*kể cả những người có cùng kiểu gen do sinh đôi cùng trứng*).

Khi cơ quan CSĐT thu được dấu vết đường vân ở hiện trường và có một số đối tượng nghi vấn. Muốn biết và chứng minh đối tượng nghi vấn đã để lại dấu vết đường vân đó, cơ quan CSĐT thu mẫu vân của đối tượng nghi vấn, trưng cầu giám định cơ quan giám định dấu vết đường vân thu được ở hiện trường và mẫu vân của đối tượng nghi vấn, các tài liệu khác có liên quan cùng với quyết định trưng cầu giám định. Mục đích của hoạt động giám định dấu vết đường vân là trả lời câu hỏi

“dấu vết đường vân thu được ở hiện trường có phải là dấu vết đường vân của đối tượng nghi vấn để lại không?”; truy nguyên người đã để lại dấu vết đường vân(*người nhà, người đến hiện trường để lại...*); truy nguyên người chết không rõ lai lịch gốc tích; xác định thời gian và cơ chế hình thành dấu vết đặt trong mối quan hệ với sự việc xảy ra tại hiện trường vụ án.

Tại hiện trường vụ trộm tài sản xảy ra ngày 26/11/2012 tại số nhà 346 Điện Biên Phủ, thành phố Đà Nẵng, lợi dụng lúc chủ nhà đi vắng đối tượng đã trèo qua cửa thông gió phía sau nhà để trộm tài sản rồi thoát ra bằng cửa chính. Tiến hành khám nghiệm hiện trường Cơ quan CSĐT quận Thanh Khê đã thu được 02 dấu vết nghi của thủ phạm để lại trên tường khi đu bám tường rồi trèo qua cửa thông gió và 01 dấu vết để lại trên cánh cửa tủ trong phòng ngủ của chủ nhà. Giám định viêndùng hóa chất Ninhydrin để xử lý, phát hiện, thu lượm dấu vết sau đó tiến hành giám định truy nguyên đối tượng nghi vấn. Phương pháp này chuyên dùng để phát hiện các dấu vết đường vân mồ hôi trên các bề mặt thẩm thấu như: giấy, gỗ, tường...về lý thuyết phương pháp này có thể phát hiện được dấu vết đường vân đã tồn tại hơn 30 năm. Tiến hành giám định kết luận 02 dấu vết để lại trên cửa thông gió là của Dương Văn Trường trú tại 23 Hải Hồ, phường Thanh Bình, Đà Nẵng làm cơ sở để cơ quan CSĐT khởi tố vụ án.

Phát hiện xử lý, thu lượm dấu vết đường vân không chỉ thực hiện ở hiện trường mà còn thực hiện ở trong phòng thí nghiệm, bởi có nhiều phương pháp chỉ có thể tiến hành ở phòng thí nghiệm. Tuy nhiên để phát hiện được một dấu vết đường vân thường phải làm hai bước: Bước một phát hiện vị trí nghi có dấu vết đường vân; bước hai sử dụng phương pháp cụ thể để phát hiện dấu vết đường vân.Với sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật như hiện nay, các nhà khoa học đã tìm tòi và sáng tạo ra rất nhiều các phương pháp phát hiện dấu vết đường vân khác nhau, tuy nhiên không có một phương pháp nào có thể áp dụng để phát hiện dấu vết đường vân cho tất cả các trường hợp, mỗi phương pháp đều có những ưu và nhược điểm nhất định, cụ thể như:

-Sử dụng nguồn sáng(*nguồn sáng trắng và nguồn sáng màu*): thường phát hiện được các dấu vết đường vân dạng: dính bụi, mất bụi, dính chất, mất chất,

đường vân hằn, dính máu, mồ hôi trên những vật nhẵn không thấm thấu.

- Sử dụng bột phát hiện dấu vết đường vân: Phương pháp này đã có từ rất lâu, dùng để phát hiện các dấu vết đường vân mồ hôi trên những vật mang vết khô, nhẵn, không thấm thấu.

- Phương pháp xông keo: Phương pháp xông keo áp dụng phát hiện dấu vết đường vân mồ hôi trên những vật mang vết khô, hầu như không thấm thấu. Dựa vào nguyên lý: khi keo ở nhiệt độ và độ ẩm thích hợp sẽ bay hơi và phản ứng với thành phần hóa học có ở mồ hôi người tạo thành polycyanoacrylate (*thể rắn đặc, có màu trắng*).

- Phương pháp dùng hóa chất Crystal violet: phương pháp này cho những bề mặt vật mang vết sáng màu. Đôi khi dấu vết phát hiện được phát quang màu đỏ khi bị kích thích bởi bước sóng ánh sáng khoảng 530 nm.

- Phương pháp dùng hóa chất Amido Black : Đây là phương pháp dùng để phát hiện dấu vết đường vân dính máu. Trong nhiều trường hợp dấu vết có dính lượng máu quá ít mà bằng mắt thường cộng với các công cụ hỗ trợ quan sát vẫn không thể quan sát được các đặc điểm của dấu vết đường vân. Lúc này cần đến một chất mà khi tiếp xúc với máu sẽ phản ứng tạo thành một chất kết tủa có màu sắc thật rõ nét, một trong các chất đó là Amido Black.

### **1.2.2. Giám định dấu vết cơ học**

Là chuyên ngành giám định KTHS, nhằm truy nguyên công cụ, phương tiện đã sử dụng để thực hiện hành vi gây án, các vụ việc mang tính hình sự. Giám định cơ học là xác định các dấu vết hình thành do các công cụ phương tiện lên một đối tượng khác nhờ một lực cơ học và nó phản ánh lại đặc điểm bề mặt tác động của đối tượng tác động (*thường giám định trong các vụ TNGT, hủy hoại tài sản...*), đáng lưu ý là các việc giám định:

- Dấu vết bánh xe lăn: dấu vết này hình thành khi xe di chuyển và lốp xe tiếp xúc với mặt đường tạo thành, dấu vết này cho chúng ta thông tin về chiều hướng chuyển động của xe, đường đi của xe, tình trạng kỹ thuật của xe, loại xe và có thể truy nguyên chiếc xe để lại dấu vết lốp xe. Sử dụng trong các vụ TNGT xe bỏ trốn, xác định chính xác xe để lại dấu vết in hoặc hằn trên mặt đường.

- Dấu vết phanh: nghiên cứu dấu vết phanh, giám định viên sẽ xác định: đường trượt của lốp xe trên đường khi phanh, chiều hướng chuyển động của xe, sự phản ứng xử lý của lái xe, tình trạng kỹ thuật của hệ thống phanh, nguyên nhân diễn biến của vụ tai nạn, vận tốc của xe trước khi phanh... công thức tính dấu vết phanh:

$V = \sqrt{2gs \times 3,6}$  trong đó V là tốc độ trước khi phanh, g là gia tốc rơi tự do,  $\mu$  là hệ số ma sát đường, s là chiều dài vết phanh, 3,6 là hệ số chuyển đổi hệ số tốc độ xe từ m/s sang km/h.

- Dấu vết cày, chà xước, trượt: trên cơ sở hình dáng của dấu vết, xác định được vị trí, chiều chuyển động của phương tiện trước khi xảy ra vụ tai nạn, nhận định bộ phận nào của phương tiện để lại dấu vết đó sẽ tiến hành thu thập tại hiện trường trên đường, trên phương tiện, trên người nạn nhân, thu lượm những phần vỡ bong tróc, dấu vết bụi đất, dấu vết sơn, dấu vết máu, dấu vết dầu mỡ... giám định dấu vết khớp truy nguyên ra chiếc xe đã để lại mảnh vỡ bong tróc đó hay chứng minh điểm va chạm đầu tiên giữa các phương tiện.

Ngoài ra còn giám định dấu vết khớp ở những vụ cạy phá, công cụ mà thủ phạm làm phương tiện để gây án như: xà ben, dao cắt, kìm cộng lực...; các mảnh vỡ gãy ra từ cửa kính, tủ...

Giám định cơ học sẽ xác định có hay không có sự va chạm giữa các phương tiện (trong nhiều trường hợp có những vụ tai nạn tự gây hoặc nạn nhân ngã trước đầu xe đang lưu thông nhưng không có sự va chạm giữa các phương tiện), xác định chính xác lỗi của các bên trong vụ tai nạn, giúp Cơ quan điều tra, CSGT giải quyết các vụ việc tránh khiếu kiện kéo dài. Đặc biệt từ kết luận giám định giúp truy tìm nhanh chóng phương tiện gây tai nạn bỏ trốn.

### **1.2.3. Giám định dấu vết súng đạn**

Là nghiên cứu các dấu vết có liên quan đến súng và đạn; giám định tình trạng kỹ thuật của súng, tình trạng kỹ thuật của đạn; giám định dấu vết súng để lại trên đầu đạn, vỏ đạn đã bắn, các viên đạn đã bắn nhưng không nổ, giám định tầm hướng bắn; lỗ đạn vào; lỗ đạn ra.

Nghiên cứu giám định súng đạn: kích cỡ vỏ đạn, ký hiệu, màu sắc, vật liệu, loại đạn tiêu chuẩn bắn được cho súng nào (K54, K59, P38... ) và súng do nước nào

sản xuất. Kết luận giám định xác định vỏ đạn thu được do khẩu súng nào bắn ra, kết luận tình trạng kỹ thuật của súng(*có phải là vũ khí quân dụng không, súng săn, súng hoa cà hoa cải, súng đạn cao su...*) giúp truy nguyên nguồn gốc khẩu súng. Trong thực tiễn có những vụ án thu được vỏ đạn, đầu đạn, súng tại hiện trường, trong người nạn nhân, thủ phạm cũng nhận tội nhưng giám định xác định vỏ đạn thu được không do khẩu súng gửi đến giám định bắn ra mà do một khẩu súng khác như vậy vụ án lại mở ra một hướng điều tra khác.

#### **1.2.4. Giám định tài liệu**

Là quá trình nghiên cứu nhằm xác định rõ bản chất các loại tài liệu có liên quan đến tội phạm hoặc những sự việc mang tính hình sự. Những tài liệu này thường được thu từ các đối tượng, bị can, bị cáo, nguyên đơn, bị đơn từ các vụ án hình sự hoặc các tài liệu nghi vấn có liên quan đến hoạt động phạm pháp. Để xác định rõ được bản chất thật giả của các loại tài liệu trên, hoạt động giám định kỹ thuật tài liệu chính là quá trình nghiên cứu về những nguyên nhân tác động hình thành hoặc thay đổi nội dung trên các loại tài liệu thông qua sự phản ánh vật chất về những đặc tính, trạng thái, phương pháp kỹ thuật và công nghệ đã tạo nên các loại tài liệu đó. Giám định tài liệu có mối liên quan chặt chẽ với các lĩnh vực khoa học như hóa, lý, điện tử - tin học, công nghệ in, chế bản, nhân bản và các lĩnh vực khoa học công nghệ khác...

Trong giám định tài liệu có các dạng giám định:

- Giám định hình dấu là nghiên cứu các đặc điểm, dấu vết có trên hình dấu để xác định hình dấu cần giám định với hình dấu mẫu so sánh có do cùng một con dấu đóng ra không; hình dấu được đóng trực tiếp; được in bằng phương pháp in thủ công hay công nghệ cao. Giám định hình dấu còn xác định đặc tính, trạng thái và phương pháp làm giả hình dấu.

Cấu tạo chung của hình dấu: hình dạng, nội dung, số lượng đường viền; kích thước chung của hình dấu, đường kính các đường viền, khoảng cách giữa các ngôi sao hoặc ký hiệu giữa các phần của hình dấu, chiều cao, chiều rộng của bộ chữ, khoảng cách giữa các từ, cụm từ; phương pháp in hình dấu (*in lỏi, in lưới, sao in, photocopy màu...*); phát quang của mực dấu hoặc mực dấu đặc biệt. Đặc điểm về cấu

tạo gồm: phân bố vị trí các chữ, số ký hiệu, hình ảnh, kích thước đường nét các chi tiết, cấu trúc bộ chữ, bộ số, ký hiệu và hình ảnh; đặc điểm do quá trình sản xuất tạo nên gồm: các chi tiết thừa, các chi tiết thiếu, các trạng thái thể hiện khác; đặc điểm do quá trình sử dụng tạo nên gồm: khuyết tật, mòn vết, biến dạng... giám định viên xác định có do cùng một con dấu đóng ra hay không, xác định dấu thật hay dấu giả...

- Giám định chữ đánh máy: Chữ đánh máy là sản phẩm được tạo ra từ máy đánh chữ, thông qua phương pháp cơ học, hóa học, nhiệt... tác động lên giấy để tạo nên một bản tài liệu, nhằm ghi nhận một số thông tin nhất định phục vụ các hoạt động giao tiếp của con người. Ngày nay, cùng với hàng loạt các phương pháp ghi lại tài liệu khác nhau, người ta đã sử dụng nhiều kiểu thiết bị đánh máy chữ khác nhau như máy đánh ra chữ trực tiếp, máy tính kết hợp với thiết bị ngoại vi của máy tính (*như máy in*). Quá trình giám định nghiên cứu đặc điểm do quá trình sử dụng: Đặc điểm đường nét cụt, khuyết, đứt đoạn; đường nét bị mờ nhạt không rõ ràng; đường nét bị cong, gãy; xuất hiện dạng chữ, các ký hiệu hoặc dấu vết lạ; xuất hiện vết bẩn trong các nét kín... Đặc điểm do cơ chế đánh máy: Chữ bị nâng lên hoặc tụt xuống so với đường chân chữ; chữ bị lệch sang trái hoặc sang phải trong các từ; trục chữ bị nghiêng trái hoặc nghiêng phải so với trục chuẩn; độ hằn sâu trên cùng đường nét không đồng đều... nghiên cứu các đặc điểm in mực của máy in như in lưới, in phun, in lòi, in lõm ... để xác định văn bản được đánh ra hoặc in ra từ máy nào. Nhiều trường hợp giữa tài liệu thật và tài liệu nghi vấn đều giống nhau về phương pháp in, song nếu những tài liệu đó do các khuôn in khác nhau thì sẽ có những đặc điểm riêng hoàn toàn khác nhau.

- Giám định bản in, ấn phẩm (*tiền, văn bằng, chứng chỉ*) là nghiên cứu các đặc điểm dấu vết có trên tiền, ấn phẩm để xác định tiền, ấn phẩm thật hay giả; nghiên cứu kỹ thuật bảo an, công nghệ in ấn. Ngoài ra còn xác định những cấu tạo và vật liệu in, vật tư cũng như phương pháp, kỹ thuật và công nghệ sử dụng để làm tiền giả, văn bằng chứng chỉ giả. Xác định phương thức thủ đoạn làm giả, được in từ nước ngoài hay in trong nước, in thủ công hay in bằng công nghệ...

- Giám định tài liệu nghi bị tẩy xóa: Tẩy xóa tài liệu là làm mất đi nội dung của tài liệu bằng sự tác động cơ học hay hoá học với mục đích là làm thay đổi nội

dung của tài liệu. Có hai loại tẩy xóa:

+ Tẩy cơ học: Đây là phương pháp làm mất nội dung của tài liệu cần tẩy bằng cách sử dụng các dụng cụ như: cục tẩy, mũi dao, vật nhọn... tác động trực tiếp vào tài liệu bằng cơ chế cơ học.

+ Tẩy hoá học: Đây là phương pháp làm mất nội dung của tài liệu dưới tác dụng của một số dung môi hoá chất như có tính ô xy hoá mạnh như thuốc tím, clo và một số a xít loãng. Ngoài việc sử dụng một số hoá chất để làm thay đổi màu mực, bọn phạm tội có thể còn sử dụng một số dung dịch để rửa các nét mực như các loại rượu, cồn...

- Dán ghép tài liệu: Là dựa vào ấn phẩm sẵn có dùng kỹ thuật lột bỏ một phần nội dung rồi dán ghép phần nội dung cần thiết tạo nên ấn phẩm giống ấn phẩm thật để sử dụng. Thủ đoạn này thường được áp dụng đối với một số tài liệu như các loại vé số, chứng minh nhân dân, các văn bằng chứng chỉ...

Kiểm tra dưới các tia cực tím có bước sóng phù hợp; Kiểm tra dưới góc độ chiếu sáng khác nhau; kiểm tra qua kính lọc màu; quan sát dưới kính hiển vi và các thiết bị kiểm tra tài liệu sử dụng lazer hồng ngoại; phương pháp thử hoá học; các phương pháp khác như phương pháp thẩm thấu huỳnh quang, phương pháp in khuếch tán. Trong giám định tẩy xóa, ngoài việc xác định dấu vết, phương pháp tẩy xóa thì vấn đề có ý nghĩa quan trọng đó là việc phát hiện, phục hồi những nội dung đã bị tẩy xóa.

- Giám định tài liệu cần khôi phục nội dung, trong đó:

Tài liệu bị sửa chữa và điền thêm nội dung là với nội dung tài liệu đã có, đối tượng sửa chữa thành nội dung khác nhau như viết chồng lên nội dung có trước. Sửa chữa một phần hay một số chi tiết làm thay đổi nội dung tài liệu. Tài liệu bị điền thêm nội dung: Là nội dung tài liệu có trước, đối tượng điền thêm nội dung mới vào khoảng trống giữa các nét chữ, các từ, các số, các dòng hay các phần làm thay đổi nội dung của tài liệu. Đối với loại tài liệu này để giám định cần quan sát và chụp ảnh qua hệ thống kính lọc màu; kiểm tra và chụp ảnh dưới đèn cực tím và các thiết bị sử dụng hồng ngoại chuyên dùng; đo mật độ qua máy phân Lazer; giám định chữ viết, chữ số của nội dung nguyên thủy với nội dung điền thêm. Hiện nay

có một số loại bút bi viết để một thời gian sẽ bay mực, phần nội dung đã ghi biến mất, được dùng trong những vụ lừa đảo, đối tượng dùng loại bút bi này viết giấy nhận tiền, sau thời gian mực bay mất, đối tượng không thừa nhận đã viết và nội dung trong giấy nhận tiền. GĐV giám định dấu vết hằn và xác định nội dung đã mất.

- Tài liệu bị xé vụn, bị đốt cháy, bị ẩm ướt, bị che phủ nội dung: Trong thực tế, khi khám nghiệm hiện trường đối với các vụ án khác nhau có thể phát hiện những tài liệu trong tình trạng bị xé, cháy, ẩm ướt... Đối với tài liệu bị cắt xé, cần dùng panh, chổi lông mở các mép gấp và làm sạch bụi bẩn, tiến hành phân loại các mảnh tài liệu thành từng nhóm theo đặc điểm bên ngoài và loại giấy như: Màu sắc, độ dày của giấy tài liệu in, chữ thường hay hình ảnh. Từ những nhóm trên tiến hành phân loại tiếp để đưa những mảnh tài liệu có nội dung, tính chất, trạng thái giống nhau về những nhóm nhỏ nhưng có mối liên quan với nhau cụ thể hơn. Tiến hành lắp ghép tài liệu: Ghép những mảnh tài liệu có góc cạnh, khung đường viền để tạo thành khung sườn của tài liệu. Những mảnh còn lại ghép theo đặc điểm dạng dấu vết khớp, kết hợp với nội dung, đường nét và dòng kẻ của các tài liệu. Tài liệu ghép cần được cố định giữa hai tấm kính hoặc mê ca có độ trong suốt để có thể chụp ảnh và nghiên cứu trên cả hai mặt.

- Tài liệu bị đốt cháy: Để tiêu hủy chứng cứ là tài liệu giấy tờ, bọn phạm tội thường đốt tài liệu. Chỉ có thể tiến hành khôi phục nội dung tài liệu bị cháy khi sản phẩm cháy còn nguyên cả tờ hay mảnh lớn. Không thể khôi phục được nội dung tài liệu cháy với sản phẩm cháy đã bị vỡ nát hay đã thành tro. Khi phát hiện tài liệu đang cháy, cần kịp thời làm mất khả năng cháy và giữ nguyên trạng thái của tài liệu. Các tài liệu bị cháy dở hay bị tổn thương do tác động ở nhiệt độ cao, cần được thu bằng phương pháp thích hợp như tạo luồng không khí (hay quạt) để chuyển lên trên các vật cứng như các hộp, kính, mê ca. Cần bảo quản trong hộp cứng có kích thước lớn hơn kích thước tài liệu, cần giữ nguyên trạng thái và tránh mọi tác động làm tổn hại tài liệu.

- Tài liệu bị ẩm ướt: Tài liệu bị ẩm ướt thường là những tài liệu để lâu ngày nơi ẩm ướt bị tác dụng trực tiếp của nước, tài liệu để nơi đất ẩm hoặc cất giấu dưới đất ngâm trong nước. Trong những trường hợp trên, tài liệu thường bị tác động bởi

các điều kiện môi trường làm cho nội dung tài liệu bị biến đổi, giấy có thể dính vào nhau hoặc bị phá hủy bằng các nấm và vi khuẩn làm cho giấy bị mủn, rữa, nát. Đối với tài liệu bị ẩm ướt nội dung và các dấu vết trên tài liệu phần lớn bị biến đổi ở mức độ khác nhau. Vì vậy khi nghiên cứu cần tập trung vào dấu vết hằn trên tài liệu và xác định nội dung của tài liệu.

- Tài liệu bị che phủ nội dung: Thực tế có nhiều trường hợp tài liệu bị che phủ một phần hoặc toàn bộ nội dung do nhiều nguyên nhân khác nhau. Để xác định được nội dung tài liệu bị che phủ thường sử dụng các phương pháp nghiên cứu và các thiết bị kỹ thuật như: Đọc dưới kính hiển vi soi nổi với nguồn sáng có hệ kính lọc màu thích hợp; đọc dưới kính hiển vi soi nổi với nguồn sáng có hệ kính lọc màu hồng ngoại; đọc dưới đèn tử ngoại; đọc qua máy kiểm tra tài liệu hồng ngoại Docubox; Sử dụng máy phân màu điện tử Lazer.

- Tài liệu bị thay trang: Dựa vào tài liệu sẵn có bọn tội phạm tiến hành thay trang để đưa phần nội dung vào tài liệu với mục đích hợp pháp hoá khi sử dụng. Đối với tài liệu này sẽ có sự khác nhau về trạng thái, màu sắc giữa các trang cũ và trang mới thay như mức độ đậm nhạt cũ mới; khác nhau về vật liệu và dấu vết khâu đóng như: Chỉ khâu, ghim đóng, sự sai lệch với dấu vết đóng trước. Nội dung nguyên thủy của tài liệu với các phần mới đưa vào có sự mâu thuẫn; thứ tự hoặc số lượng các trang có thể không phù hợp bố cục của tài liệu thay đổi; khác nhau về đặc điểm chữ viết, phương tiện viết và chất viết của những phần nội dung có liên quan giữa trang cũ và trang mới thay; khác nhau về kích thước, các đặc điểm in ấn nếu các trang được thay vào khác loại; khác nhau về sự phát quang của giấy mực chỉ khâu chất đánh dấu và vị trí đặt chất đánh dấu; ngoài ra có thể khác nhau về sự xuất hiện của các dấu vết tự nhiên như: Vết hằn, vết gấp, vết rách, dấu vết tạp chất bám dính trên tài liệu.

- Tài liệu bị thay ảnh: Tài liệu bị thay ảnh là hình thức thay ảnh của người chủ sở hữu trong tài liệu bằng ảnh của người khác và được tiến hành với những thủ đoạn bóc ảnh gốc, thay ảnh mới đã có sẵn phần dấu nổi. Nội dung, hình thức và bố cục của phần nổi trên ảnh và trên tài liệu mâu thuẫn với nhau; đường viền các chữ và chi tiết của phần dấu nổi trên ảnh và trên tài liệu không khớp nhau; ảnh bị lệch so

với khung hoặc vị trí có dấu vết dán của ảnh gốc; có dấu vết tổn hại của nền giấy, nền in đường khung khi bóc ảnh gốc; vị trí tiếp giáp các đường viền của dấu nổi trên ảnh và trên tài liệu không có khoảng trống tự nhiên, các đường nét của dấu vết nổi trên tài liệu kéo dài liên tục và chui xuống dưới ảnh; vị trí các chi tiết phần lớn của dấu vết nổi trên ảnh với các chi tiết thuộc phần lõm của dấu nổi trên tài liệu không trùng khớp nhau.

Ngoài các thủ đoạn thay ảnh, trong thực tế có nhiều trường hợp các đối tượng đã sử dụng các ấn phẩm thật, dán ảnh làm giả toàn bộ phần dấu nổi. Đối với những trường hợp này cần đi sâu nghiên cứu giám định cả hình dấu nổi và ấn phẩm của tài liệu. Đối với những vật dễ biến dạng cần được chụp ảnh để ghi lại nội dung trạng thái và áp dụng những biện pháp bảo quản thích hợp tránh những tác động làm thay đổi dấu vết của mẫu vật.

Giám định kỹ thuật tài phục vụ điều tra truy tố xét xử các vụ án kinh tế như làm giả hợp đồng, giấy ủy quyền, các giấy ủy nhiệm chi... để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; làm giả giấy chuyển nhượng, hồ sơ giấy tờ đất, giấy nhận tiền...; làm giả tài liệu của các cơ quan tổ chức, cá nhân như tiền, ngân phiếu giả, văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ nhà đất...

- Giám định chữ ký, chữ viết là nhằm truy nguyên người đã viết, đã ký ở các giấy tờ, tài liệu qua đó xác định thủ đoạn giả mạo chữ ký, chữ viết.

Đặc điểm truy nguyên của chữ viết là những dấu hiệu có trên bản viết, căn cứ vào những dấu hiệu này mà các nhà chuyên môn xác định được đồng nhất hay không đồng nhất. Do mỗi con người có quá trình tâm - sinh lý khác nhau nên mức độ tiếp nhận các hình ảnh của chữ viết (*các ký tự đã được quy ước*) khác nhau:

+ Mức độ điều luyện của dạng chữ: Nhanh hay chậm, tự động hay không tự động hoặc không thể thực hiện được. Mức độ điều luyện của dạng chữ nói chung tương đối bền vững, nó chỉ có thể bị thay đổi theo chiều từ cao xuống thấp, chứ không thể thay đổi theo chiều ngược lại trong một thời gian ngắn, trừ trường hợp có sự tập luyện lâu dài. Mức độ điều luyện thấp, Mức độ điều luyện trung bình, Mức độ điều luyện cao

+ Cấu trúc chung của dạng chữ (loại chữ): Chữ chân phương, chữ đơn giản,

chữ phức tạp. Khi mỗi người đã có khả năng viết tương đối thuần thục, thì dạng chữ của người đó sẽ thuộc một dạng cấu trúc nhất định. Dạng cấu trúc này là đặc điểm tương đối bền vững. Vậy nghiên cứu đặc điểm riêng của chữ viết chính là nghiên cứu sự biến dạng các nét tạo thành chữ cái và thói quen thực hiện chuyển động viết các nét tạo thành đó. Đặc điểm riêng là cơ sở để truy nguyên đồng nhất chữ viết ở tài liệu phạm pháp và mẫu chữ của đối tượng nghi vấn có phải do cùng một người viết ra hay không.

Chữ ký là những ký hiệu riêng biệt của một người nhằm mục đích xác nhận vấn đề nêu trong tài liệu. Mỗi người tự sáng tạo ra chữ ký của mình nên nó hình thành một cách tự do và không tuân theo một quy ước nhất định nào. Có thể nói, chữ ký là một dạng đặc biệt của chữ viết, vì vậy quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của chữ ký một người giống như sự hình thành, tồn tại và phát triển của chữ viết. Nó cũng chịu những tác động về chủ quan, khách quan, tâm sinh lý như ở chữ viết. Phần lớn chữ ký được thực hiện trên cơ sở chữ viết nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào chữ viết bởi vì có người ký rõ họ và tên; có người viết một số chữ cái họ tên; có người dùng ký hiệu hoặc dạng chữ nước ngoài ví dụ như những ký tự *Trung Quốc, tiếng Anh...* để tạo ra chữ ký của mình.

Cũng giống như chữ viết, chữ ký là sản phẩm sáng tạo và tập luyện tạo nên từ phản xạ có điều kiện của con người. Một người có thể có nhiều dạng chữ ký khác nhau và được dùng trong từng thời kỳ khác nhau. Chữ ký của con người có thể thay đổi theo thời gian do ý muốn của từng người ký.

- + Đặc điểm về sự tương quan giữa vị trí của chữ ký so với các phần khác có trong tài liệu như ký gần đề mục, ký lệch sang trái hoặc sang phải đề mục . . . dạng đọc được, dạng không đọc được và dạng hỗn hợp;

- + Đặc điểm thể hiện hướng chuyển động của các đường nét cũng được xác định như trong chữ viết: chuyển động ngược chiều kim đồng hồ, cùng chiều kim đồng hồ, chuyển động hỗn hợp.

- + Đặc điểm thể hiện hình dạng các đường nét: đường cong, đường thẳng, hình quai, hình ôvan . . .

- + Đường chân chữ ký có thể chéch lên, nằm ngang hoặc xiên xuống. Đặc

điểm riêng của chữ ký được xác định giống như đặc điểm riêng của chữ viết, ngoài ra cần quan tâm những đặc điểm đặc thù, đánh dấu, thói quen mà chỉ được xuất hiện trong chữ ký đích danh người ký mà thôi. Thường thấy xuất hiện các đặc điểm:

- + Dạng và hướng chuyển động của chữ ký: Chung và từng phần của chữ ký như dạng cong, tạo góc, chuyển động từ phải sang trái, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên hoặc tổng hợp các dạng, hướng chuyển động.

Trước tiên xác định hình dạng chung của chữ ký cả chữ ký cần giám định và chữ ký mẫu so sánh, bằng cách nối điểm đầu với điểm cao nhất, điểm thấp nhất, điểm cuối của chữ ký.

- + Kích thước thành phần cao nhất, thấp nhất, mối tương quan của chúng đối với các thành phần còn lại của chữ ký.

- + Mức độ liên kết giữa các thành phần của chữ ký, các điểm chồng nhau, cắt nhau. Trong đó lưu ý sự tương quan giữa điểm chồng, cắt nhau với các thành phần khác của chữ ký.

- + Cấu trúc từng phần của chữ ký : đơn giản hóa, phức tạp hóa, sự tương quan điểm bắt đầu, nét bắt đầu với điểm kết thúc, nét kết thúc với từng thành phần và với cả toàn bộ chữ ký.

Thực chất của giám định chữ viết là một quá trình nhận dạng bằng phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp và so sánh đối chứng giữa chữ viết cần giám định với chữ viết của người nghi vấn (*mẫu so sánh*) nhằm từ đó đưa ra kết luận khẳng định hay phủ định. Đã từ lâu, khoa học hình sự trên thế giới đã công nhận giám định và kết luận giám định chữ viết, chữ ký - một bộ phận quan trọng trong hệ thống giám định kỹ thuật hình sự - là chứng cứ khoa học có giá trị pháp lý để điều tra và xét xử tội phạm. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, kết quả giám định chữ viết trong khoa học hình sự được sử dụng làm chứng cứ xét xử, đó là vụ xét xử Bruno Hauptmann vì tội bắt cóc và giết chết con trai của viên phi công nổi tiếng thế giới Charles Lindbergh năm 1934. Tiếp đó, giám định chữ viết còn được áp dụng trong điều tra, xét xử một số vụ án nổi tiếng khác như tên Theodore John Kaczynski chuyên khủng bố bằng bom trong thời gian từ 1978 đến 1994, mãi năm 1996, hắn mới bị bắt. Nhưng đáng chú ý nhất là sự kiện các chuyên gia giám định chữ viết đã

bóc trần bộ mặt của kẻ làm giả cuốn nhật ký của tên trùm phát xít Hitler...

Như vậy, giám định chữ viết, chữ ký là tiến hành nghiên cứu phân tích so sánh và kết luận về sự đồng nhất hay không đồng nhất giữa chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định và chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu của đối tượng nghi vấn hoặc kết luận các tài liệu cần giám định này do ai viết và ký ra. Giám định chữ viết thường gặp không những trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự mà còn trong các vụ án kinh tế, trong các tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình . . . Lĩnh vực giám định chữ viết, chữ ký không đòi hỏi nhiều phương tiện kỹ thuật như một số lĩnh vực giám định khác, nhưng đòi hỏi giám định viên phải là người có nhiều kinh nghiệm, có những tri thức khoa học và phải luôn trau dồi những kiến thức mới để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đấu tranh chống tội phạm.

#### **1.2.5. Giám định dấu vết cháy, nổ**

Là chuyên ngành giám định KTHS nhằm xác định nguyên nhân cháy nổ, cũng như vật liệu, chất liệu và các hiện tượng có liên quan đến cháy, nổ.

Thuốc nổ là hóa chất hoặc hỗn hợp hóa chất được sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của kích thích cơ, nhiệt hóa hoặc điện. Với loại giám định này các giám định viên sẽ phân tích trên thiết bị phát hiện thuốc nổ MO – 2M, FIRST DEFENDER, IONSCAN...; máy quang phổ hồng ngoại, quang phổ phát xạ và kính hiển vi điện tử quét... phương pháp hóa học: xác định các Anion, Cation ... để xác định các loại cation cơ bản trong thuốc nổ:  $Al^{3+}$ ,  $NH_4^+$  ... xác định chất nổ, vật nổ, phương pháp gây nổ, xác định nguyên nhân vụ cháy, nổ của thiết bị kỹ thuật...

Đối với dấu vết cháy tiến hành thử tính chất cháy để quan sát ngọn lửa, màu sắc cháy, độ đậm của khói; thử tính tan, tách mẫu thủ công bằng dung môi và nước cất. Sử dụng máy quang phổ để phân tích xác định loại nhiên liệu, phân đoạn dầu mỏ...

#### **1.2.6. Giám định kỹ thuật**

Là chuyên ngành giám định KTHS, nhằm xác định nguyên nhân gây ra sự cố kỹ thuật, xác định chất lượng các công cụ phương tiện liên quan đến kỹ thuật. Giám định kỹ thuật bao gồm: Giám định dấu vết sự cố kỹ thuật; giám định ký tự đóng chìm trên kim loại nghi bị tẩy xóa, sửa chữa (số khung số máy xe mô tô, ô tô, số

súng quân dụng...); giám định dấu vết về điện, điện tử, sét... trong đó thường xuyên nhất là giám định ký tự đóng chìm trên kim loại.

Giám định ký tự đóng chìm trên kim loại là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ để kết luận về ký tự đóng chìm trên kim loại vật cần giám định có phải là ký tự nguyên thủy hay không hoặc có cùng nguồn gốc với ký tự mẫu so sánh. Trong trường hợp ký tự trên mẫu vật cần giám định là ký tự đóng lại sau khi tẩy xóa ký tự nguyên thủy hoặc là ký tự có được bằng cách sửa chữa ký tự nguyên thủy thì việc giám định còn phải xác định các ký tự nguyên thủy bị tẩy xóa mất hoặc đã bị sửa chữa. Loại giám định này thường được sử dụng giám định số khung, số máy xe ô tô, xe máy, biển số xe... trong các vụ trộm xe, tội phạm đã phá xóa số khung, số máy, làm giả biển số xe... để tiêu thụ.

#### **1.2.7. Giám định âm thanh**

Là chuyên ngành giám định KTHS nhằm truy nguyên con người, phương tiện trên cơ sở âm thanh do các đối tượng này phát ra.

Từ những năm 50 mươi của thế kỷ XX các nhà khoa học đã tìm được cách biến âm thanh (*Audio*) thành các đồ họa dưới dạng phổ âm. Qua các phổ âm thanh người ta có thể phân tích tiếng nói của con người nói riêng và âm thanh nói chung thành nhiều tham số khác nhau như cường độ, trường độ, độ cao, tốc độ, tần số cơ bản, tần số cộng hưởng... với hàng trăm đặc điểm khác nhau. Các phổ âm thanh giúp người ta nhận ra các đặc điểm và đo được các tham số âm học như cường độ (db), trường độ(s), tần số(hz), nhờ đó các nhà khoa học hình sự đã nghiên cứu ứng dụng vào hoạt động điều tra và dần dần hình thành lĩnh vực giám định âm thanh, nhận dạng tiếng nói (*voice identification*), nhằm truy nguyên con người qua tiếng nói hoặc đồ vật do âm thanh nó phát ra (*ví dụ tiếng nổ động cơ xe ô tô, mô tô*). Giám định âm thanh là một lĩnh vực mới phát triển được nhiều nước quan tâm như: Mỹ, Đức, Bungari, Nam Phi, Trung Quốc... Bao gồm:

- Giám định tiếng nói được ghi trong các thiết bị lưu trữ âm thanh (*băng đĩa, thẻ nhớ...*);

- Xác thực nội dung tiếng nói trong các thiết bị lưu trữ có biên soạn lại (*cắt, dán, ghép, nói*) hay không;

- Dịch nội dung tiếng nói liên quan đến nội dung cần giám định trong các thiết bị âm thanh lưu trữ trong các thiết bị ra văn bản;

- Nâng cao chất lượng tiếng nói bằng các thiết bị chuyên dụng phục vụ giám định để nghe và xác định nội dung nói.

#### **1.2.8. Giám định sinh học**

Giám định sinh học là một chuyên ngành giám định kỹ thuật hình sự, do các Giám định viên thực hiện trên cơ sở sử dụng phương tiện kỹ thuật chuyên dụng, kiến thức chuyên môn về dấu vết sinh vật và các lĩnh vực khác có liên quan để nghiên cứu, xét nghiệm, phân tích, so sánh, tổng hợp rút ra những kết luận về những vấn đề có liên quan đến vụ việc hình sự giúp cơ quan trưng cầu giám định có thông tin khách quan và sử dụng chúng để giải quyết những vấn đề đặt ra trên cơ sở khoa học và đúng pháp luật. Giám định sinh học nhằm truy nguyên nhóm hoặc cá thể người, động vật, thực vật, côn trùng, vi sinh vật, bao gồm:

+ Giám định dấu vết máu, mô, lông, tóc, chất bài tiết, chất tiết có nguồn gốc từ cơ thể người và động vật

+ Giám định gen (*AND – Axit Deoxyribo Nucleic*) từ các dấu vết mẫu vật có nguồn gốc từ người và động vật.

+ Giám định vải sợi và dấu vết vải sợi;

+ Giám định thực vật và dấu vết thực vật;

+ Giám định các loại côn trùng, vi sinh vật;

-*Giám định các chất ma túy nhóm opiate trong mẫu máu gồm việc:* phân tích bằng bản mỏng Silicagen tráng sẵn F – 245 (*merck*); hệ dung môi triển khai (*hệ 1: Etylacetat/Methanol/Amoniac: 45/45/7/3*); các chuẩn Heroin, Mocphin, Mam – 6; thuốc thử hiện màu... sau đó so sánh giá trị  $R_f$  của chất cần phân tích và các chuẩn của hai hệ dung môi trên.

Phân tích bằng sắc khí khí (GC - FID): thiết bị (*hệ thống GC – FID, khí  $N_2$ , cột mao quản HP -% hoặc tương đương*); điều kiện làm việc: tốc độ khí mang  $N_2$ : 3,1ml/phút, nhiệt độ detecto là 290<sup>0</sup>c, nhiệt độ iryecto là 270<sup>0</sup>c, kiểu bơm không chia dòng, kiểu bơm lul... tổng thời gian phân tích là 23 phút.

Từ những phân tích quy trình để giám định viên đưa ra kết luận giám

định trên có thể thấy đây là quy trình đòi hỏi GDV phải có ý thức trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt, sử dụng thành thạo các phương tiện hỗ trợ giám định... mới có thể đưa ra kết luận giám định mang tính khoa học và chính xác cao.

#### **1.2.9. Giám định hóa học**

Là chuyên ngành giám định KTHS, nghiên cứu phân tích nhằm xác định nguồn gốc, thành phần, định lượng... các loại dấu vết hóa học và các mẫu vật khác phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Dấu vết hóa học rất đa dạng có liên quan trực tiếp đến mọi khía cạnh trong cuộc sống của con người vì vậy lĩnh vực giám định hóa học cũng rất rộng, bao gồm: giám định hóa chất, giám định độc chất, giám định sơn, kim loại, thủy tinh, đất; giám định các chất có liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm và chăn nuôi gia súc gia cầm, giám định các sản phẩm công nghiệp môi trường; giám định dược phẩm, hàng giả, giám định hóa tài liệu (*mực viết, mực dấu, mực in*), giám định các chất ma túy và tiền chất, giám định các chất doping. Dưới đây, tác giả đi sâu phân tích hai loại giám định thường gặp là giám định độc chất và giám định các chất ma túy và tiền chất ma túy.

- Giám định độc chất: trong giai đoạn nghiên cứu tách biệt, các giám định viên sẽ sơ bộ tìm thủy ngân và Asen bằng nghiệm pháp Reinch; phân lập chất độc ra khỏi mẫu giám định bằng các phương pháp vô cơ hóa phân lập các ion kim loại, các axit vô cơ, hữu cơ; định tính bằng phương pháp sắc khí lớp mỏng, quang phổ hấp thụ tử ngoại, sắc khí khối phổ...

- Giám định các chất ma túy và tiền chất ma túy: là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chất ma túy và tiền chất ma túy có liên quan đến vụ án do GDV tư pháp KTHS về hóa học thực hiện.

Ma túy nhóm ATS (*Amphetamine Type Stimulants*) là những chất ma túy được tổng hợp ra từ các chất ban đầu (*gọi là tiền chất*). Chúng có tác dụng kích thích nhất thời hệ thống thần kinh trung ương gây hưng phấn và ảo giác hoang tưởng. Ngoài Amphetamine, methamphetamine (MA) và MAMD (*còn gọi là Ecstasy*) trong nhóm này còn có nhiều các chất khác nhau, được quy định trong Công ước Quốc tế năm 1971 quy định về các chất hướng thần như: MDA, MDE, MDMA, PMA... với

loại giám định này nhất thiết phải có các phương tiện hỗ trợ giám định như hóa chất, máy sắc khí khối phổ, máy sắc khí GC – MS.

#### **1.2.10. Giám định pháp y tử thi**

Là quá trình xem xét toàn diện các dấu vết, dấu hiệu tổn thương bên ngoài (*khám ngoài*) và bên trong (*mổ tử thi*), kết hợp với các xét nghiệm phụ trợ (*xét nghiệm mô bệnh học, độc chất phủ tạng, xét nghiệm tìm rượu trong máu, tìm ma túy trong máu...*) phục vụ công việc xác định: tung tích nạn nhân, nguyên nhân chết, xác định cơ chế hình thành thương tích, vật gây thương tích, xác định tổn thương có trước hay sau chết, thời gian chết, xác định công cụ, phương tiện gây án, tính chất diễn biến vụ việc nhằm phục vụ truy nguyên hung thủ.... Đặc biệt việc xác định nguyên nhân chết là đòi hỏi rất quan trọng trong quá trình điều tra. Chết do nguyên nhân nào giúp xác định tính chất vụ việc, làm rõ bản chất yếu tố nào đã gây ra và quyết định cái chết của nạn nhân, từ đó giúp cơ quan điều tra nhận định có hay không có hành vi phạm tội, là căn cứ khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Ngoài ra kết luận giám định pháp y còn đưa ra cơ chế gây thương tích, tỷ lệ thương tích, tuổi của bị can, bị cáo... cũng như cung cấp các chứng cứ khác cho việc xác định lỗi, định tội danh, định khung hình phạt...

Hiện nay tại Viện KHHS – Bộ công an đã triển khai giám định kỹ thuật số và điện tử: là việc GDV KTHS sử dụng kiến thức khoa học, công nghệ, thông tin để nghiên cứu, phân tích các dấu vết dữ liệu lưu trữ dưới dạng số trong các thiết bị điện tử phục vụ cho việc phát hiện, điều tra, khám phá tội phạm. Từ những thiết bị thu được trong những vụ việc có sử dụng công nghệ cao, các GDV sẽ tiến hành giám định kỹ thuật số và điện tử để nghiên cứu, phân tích các dữ liệu số được lưu trữ trong thiết bị điện tử, kỹ thuật số mà tội phạm có thể xóa, sao chép, làm ẩn, mã hóa nhằm phát hiện dữ liệu, truy nguyên nguồn gốc dữ liệu hoặc khôi phục nội dung dữ liệu đó, đây là nguồn thông tin quan trọng cho quá trình làm sáng tỏ vụ việc.

### **1.3. Nguyên tắc giám định KTHS, quy trình giám định**

#### **1.3.1. Nguyên tắc**

Điều 3 Luật giám định Tư pháp quy định cụ thể các nguyên tắc thực hiện

giám định tư pháp. Quá trình tổ chức giám định KTHS cũng tuân theo các quy tắc này bao gồm:

- *Nguyên tắc tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn*

Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính pháp lý, khoa học và thống nhất trong hoạt động giám định. Tuân thủ pháp luật là việc chấp hành nghiêm chỉnh, triệt để các quy định của Bộ luật TTHS, Luật giám định tư pháp và các văn bản khác có liên quan đến giám định KTHS. Tuân theo quy chuẩn chuyên môn được hiểu là khi tiến hành giám định thì các chủ thể giám định phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn được ban hành tại các Thông tư 46, 51, 52 của Bộ trưởng Bộ công an quy định về các quy trình giám định ở từng lĩnh vực cụ thể, không được làm tắt, bỏ qua các bước được quy định, đảm bảo từ khi tiếp nhận giám định cho đến khi kết thúc giám định và lưu hồ sơ.

- *Nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời*

Đây là nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giám định, bởi kết luận giám định được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng là nguồn chứng cứ quan trọng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; trong nhiều trường hợp kết luận giám định có ý nghĩa quyết định trong giải quyết vụ án. Nếu hoạt động giám định không trung thực, người giám định không thật sự công tâm, khách quan và đưa ra kết luận kịp thời thì sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cũng như kết quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- *Nguyên tắc chỉ kết luận về chuyên môn trong phạm vi yêu cầu*

Nguyên tắc này nhằm xác định phạm vi những vấn đề được trả lời trong quyết định trưng cầu giám định. Đòi hỏi người giám định phải bám sát các yêu cầu giám định để đưa ra các kết luận về chuyên môn mà không được trả lời vấn đề khác, kể cả thuộc chuyên môn của mình; chỉ làm rõ vấn đề chuyên môn được trưng cầu, không giải thích thêm vấn đề gì khác. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề khác thuộc chuyên môn của mình, thì phải yêu cầu trưng cầu giám định bổ sung. Trong trường hợp thực hiện giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi GĐV thực hiện phần việc giám định và chỉ đưa ra kết luận vấn đề thuộc chuyên môn của mình.

- *Nguyên tắc chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định*

Nguyên tắc này đặt ra trách nhiệm pháp lý đối với GDV, cụ thể hóa trách nhiệm của GDV trong việc đưa ra kết luận giám định. Kết luận giám định là nguồn chứng cứ pháp lý quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả điều tra truy tố, xét xử; nếu kết luận không chính xác có thể dẫn đến để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Chính vì vậy, khi tiến hành giám định, chủ thể giám định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định mà mình đã đưa ra. Nguyên tắc này bắt buộc chủ thể giám định phải thận trọng, tỉ mỉ, khách quan, trung thực và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình giám định.

**1.3.2. Các hình thức giám định KTHS**

*1.3.2.1. Căn cứ theo trình tự thời gian tiến hành, giám định KTHS có các hình thức sau*

- Giám định lần đầu (*giám định thông thường*): là trường hợp GDV tiến hiện giám định khi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định, yêu cầu giám định về một sự vật, hiện tượng, tài liệu, chất ... nào đó để phục vụ quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến những tình tiết vụ việc đã được kết luận trước đó. Giám định bổ sung có thể do người giám định trước đó hoặc người giám định khác thực hiện. Việc giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

- Giám định lại được thực hiện theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận lần đầu không chính xác. Việc giám định lại bắt buộc phải do người khác thực hiện. Việc trưng cầu giám định lại được thực hiện như trưng cầu giám định lần đầu.

*1.3.2.2. Căn cứ vào số lượng chủ thể tiến hành giám định, giám định KTHS có các hình thức giám định*

- Giám định cá nhân: là hình thức giám định do một GDV thực hiện. Đây là hình thức giám định phổ biến nhất trong hoạt động giám định KTHS. Hình thức giám định này được thực hiện trong các trường hợp yêu cầu giám định đơn lẻ, ở

một chuyên ngành, một lĩnh vực KTHS cụ thể. Quá trình giám định này không nhất thiết phải có sự kết hợp của nhiều GDV, nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau để giám định.

- Giám định tập thể: Là hình thức giám định do hai GDV trở lên cùng thực hiện. Những GDV này có thể ở cùng một hoặc ở nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Hình thức giám định tập thể thường ít được thực hiện so với hình thức cá nhân, chỉ đặt ra trong trường hợp vụ án phức tạp hoặc nội dung giám định có liên quan đến nhiều lĩnh vực giám định KTHS khác nhau. Ngoài ra giám định tập thể còn được sử dụng trong trường hợp giám định ... nhằm đảm bảo tính chắc chắn, chính xác của kết luận giám định.

### ***1.3.3. Quy trình giám định, hồ sơ giám định KTHS chung***

#### ***1.3.3.1. Quy trình giám định***

Nhiệm vụ của giám định KTHS là nhằm giải quyết các vấn đề do truy nguyên hình sự đặt ra. Vì vậy quá trình tiến hành giám định phải diễn ra phù hợp với quá trình nhận thức có tính logic, khoa học từ cái chung đến cái riêng, từ trừu tượng đến cụ thể để cuối cùng có thể giải quyết được các vấn đề về sự đồng nhất hình sự nhằm truy nguyên người, vật thể, hiện tượng, sự việc, địa điểm... Để hoạt động giám định tư pháp đạt kết quả, đúng quy định của pháp luật đòi hỏi GDV phải tuân thủ đúng các phương pháp và quy trình giám định được ban hành kèm theo Thông tư số 52/TT-BCA ngày 20 tháng 7 năm 2011, Thông tư số 46/TT - BCA, ngày 5/11/2013 và Thông tư 51/TT – BCA, ngày 11/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Theo quy trình, hoạt động giám định gồm các bước cơ bản sau:

*Bước 1:* Tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu và đối tượng giám định. Đối tượng cần giám định là các dấu vết, vật chứng, các mẫu vật, tài liệu có liên quan đến vụ việc hình sự cần được nghiên cứu giám định để đưa ra các kết luận khoa học khách quan phục vụ điều tra, xử lý vụ việc. Phải kiểm tra, đối chiếu, so sánh đối tượng cần giám định có được thống nhất với sự mô tả trong biên bản thu mẫu hay trong quyết định trưng cầu hay không. Việc kiểm tra này là cơ sở để đưa ra quyết định từ chối hay tiếp nhận giám định và bổ sung thêm tài liệu, đối tượng giám định cần thiết. Đối tượng cần giám định thường được ký hiệu là A1, A2, A3...

Mẫu so sánh là các đối tượng vật chất hoặc các phản ánh của các đối tượng vật chất, các thực nghiệm khoa học, các thành tựu khoa học đã được nghiên cứu và đã được sử dụng. Mẫu so sánh đã được xác định nguồn gốc cụ thể, và được đưa ra làm đối chứng so sánh với đối tượng cần giám định trong quá trình giám định. Mẫu so sánh thường được ký hiệu là M1, M2, M3...

Ở bước này Giám định viên kiểm tra:

- Kiểm tra trung cầu, yêu cầu giám định về thủ tục pháp lý, hành chính và kỹ thuật văn bản.

- Kiểm tra tình trạng bao bì đóng gói, niêm phong đối tượng giám định và số lượng đối tượng giám định: nếu đạt yêu cầu thì tiến hành vào sổ theo dõi giám định và chuyển các bước tiếp theo; nếu không đạt yêu cầu thì từ chối giám định hoặc hướng dẫn thủ tục bổ sung.

*Bước 2: Chuẩn bị giám định*

- Nghiên cứu đối tượng gửi giám định: sử dụng ánh sáng, kính lúp...
- Lựa chọn phương pháp và phương tiện nghiên cứu.
- Lựa chọn vật tư, hóa chất và các phương tiện hỗ trợ khác.
- Tài liệu cần tham khảo.
- Phát hiện và xử lý dấu vết.
- Chụp, phóng ảnh dấu vết, mẫu vật gửi đến giám định.

Sau khi in phóng ảnh, cần kiểm tra ảnh chung, ảnh chi tiết có đủ yếu tố để làm bản ảnh giám định không.

*Bước 3: Nghiên cứu giám định tách biệt*

- Nghiên cứu đánh giá đối tượng cần giám định(dấu vết) đã thu được.
- Nghiên cứu, phân tích đặc điểm chung.
- Nghiên cứu, phân tích đặc điểm riêng.
- Nghiên cứu mẫu so sánh.
- Tổng hợp và đánh giá dấu vết cần giám định và mẫu so sánh gửi giám định để nhận định đủ yếu tố hoặc không đủ yếu tố.

*Bước 4: Giám định so sánh*

- So sánh đặc điểm chung.

- So sánh đặc điểm riêng, theo từng vị trí tương ứng.
- So sánh những đặc điểm riêng cá biệt.
- Tổng hợp kết quả và kết luận giám định: trên cơ sở tổng hợp đặc điểm chung, đặc điểm riêng, đặc điểm cơ bản và đặc điểm không cơ bản; đặc điểm ổn định và đặc điểm không ổn định; giải thích sự khác biệt giữa dấu vết và mẫu so sánh đi đến kết luận.

*Bước 5: Kết luận giám định*

- Mẫu cần giám định đủ yếu tố giám định
- Mẫu cần giám định không đủ yếu tố giám định.
- Khẳng định đúng đối tượng
- Khẳng định không đúng đối tượng.
- Không đủ cơ sở kết luận.
- Yêu cầu thu lại mẫu.

*(Trường hợp kết luận đồng nhất phải có bản ảnh minh họa kết luận giám định).*

*Bước 6: Xây dựng hồ sơ giám định*

Hồ sơ giám định được Giám định viên xây dựng bao gồm:

- Quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định;
- Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;
- Biên bản giám định;
- Kết luận giám định;
- Tài liệu minh họa kết luận giám định: Bản ảnh giám định;
- Văn bản yêu cầu cung cấp bổ sung mẫu giám định (nếu có);
- Các tài liệu khác có liên quan.

*Bước 7: Hoàn thành quá trình giám định*

- Giám định viên trình Trưởng phòng duyệt kết quả giám định.
- Trưởng phòng trình Lãnh đạo Viện duyệt và nhận lại văn bản dự thảo đã được duyệt (*đối với Viện KHHS*).
- Trưởng phòng chuyển cho Giám định viên đánh máy, in kết luận giám định (*theo mẫu quy định*).
- Giám định viên đánh máy in, ký và trình Trưởng phòng ký kết luận giám

định gửi đi.

- Giám định viên kiểm tra, niêm phong đối tượng giám định và chuyển cho trực ban đơn vị trả cơ quan trung cầu.

*Bước 8:* Trả kết quả giám định và đối tượng gửi giám định

- Đóng dấu bản Kết luận giám định (*chỉ đóng dấu bản gửi đi*).
- Đóng gói bản Kết luận và gửi cùng đối tượng giám định cho cơ quan trung cầu, yêu cầu giám định theo đường giao liên của BCA.

- Lưu hồ sơ giám định theo quy định của đơn vị.

*Bước 9:* Lưu hồ sơ giám định

- Lưu tại phòng giám định 05 năm,
- Lưu tại Cơ quan quản lý hồ sơ nghiệp vụ của BCA (C53) và phòng PV27 - Công an tỉnh, thành phố là 25 năm tiếp theo.

#### *1.3.3.2. Hồ sơ giám định*

Hồ sơ giám định bao gồm những tài liệu phản ánh, ghi nhận lại quá trình giám định và kết quả giám định kỹ thuật hình sự do giám định viên trực tiếp xác lập và các tài liệu khác có liên quan.

Hồ sơ giám định theo Điều 34 Luật giám định tư pháp bao gồm:

- Quyết định trung cầu giám định: Quyết định trung cầu giám định là cơ sở pháp lý để tiến hành công tác giám định. Nó được cơ quan tiến hành tố tụng (*Cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án...*) lập bằng văn bản, theo qui định thống nhất và có nội dung sau:

- + Tên cơ quan trung cầu giám định; họ tên người tiến hành tố tụng trung cầu giám định.

- + Tên tổ chức; họ tên người được trung cầu giám định.

- + Tóm tắt sự việc có liên quan đến đối tượng cần giám định.

- + Nguồn gốc và đặc điểm của đối tượng giám định.

- + Tên các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo.

- + Nội dung yêu cầu giám định.

- + Ngày, tháng, năm trung cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

Các loại trung cầu giám định:

- + Trung cầu giám định thông thường.
- + Trung cầu giám định bổ sung.
- + Trung cầu giám định lại.

- Biên bản giao nhận đối tượng giám định: Đây là văn bản được tiến hành lập giữa đại diện cơ quan trung cầu giám định và đại diện cơ quan giám định. Trường hợp đối tượng giám định được gửi qua đường công văn thì cơ quan giám định vẫn lập biên bản nhưng phải có ít nhất hai người lập và được thủ trưởng cơ quan giám định xác nhận.

+ Biên bản được lập theo mẫu qui định thống nhất, trong đó phải ghi rõ địa điểm, thời gian bắt đầu và kết thúc tiến hành kiểm tra và giao nhận, họ tên, chức vụ, chữ ký của người tham gia giao nhận.

+ Nội dung biên bản phải mô tả đầy đủ, chính xác thực trạng niêm phong, tên, cách thức bảo quản, số lượng, chất lượng, đặc điểm chung, đặc điểm riêng của mẫu giám định và mẫu so sánh. Đồng thời cũng phải mô tả đầy đủ tài liệu hoặc đồ vật có liên quan. Nếu gửi qua đường công văn thì phải ghi rõ số lượng và chất lượng có thay đổi so với công văn gửi đến hay không.

+ Biên bản được giao cho mỗi bên giữ một bản và được lưu trong hồ sơ giám định. Nếu theo đường công văn thì sau khi lập biên bản vẫn gửi cho cơ quan yêu cầu giám định một bản.

- Biên bản giám định: Biên bản giám định là tài liệu ghi nhận hoạt động giám định do luật định. Bất kỳ hoạt động giám định kỹ thuật hình sự nào cũng phải được lập biên bản. Biên bản giám định đồng thời cũng là cơ sở để viết bản kết luận giám định, là tài liệu để chứng minh, bảo vệ kết luận giám định.

+ Biên bản giám định kỹ thuật hình sự phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình giám định.

+ Biên bản giám định phải do giám định viên trực tiếp xác lập theo đúng các thể thức quy định không được tùy tiện tẩy xóa, thêm bớt.

Biên bản giám định có nội dung chính như sau:

- + Họ tên người thực hiện giám định.
- + Thời gian nhận văn bản trung cầu giám định.

- + Tình trạng mẫu vật gửi giám định.
- + Nội dung yêu cầu giám định.
- + Phương pháp thực hiện giám định.
- + Kết luận về đối tượng giám định.
- + Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định.
- + Chữ ký của người giám định; chữ ký và đóng dấu của người đứng đầu tổ chức được trưng cầu giám định.

- Kết luận giám định: Bản kết luận giám định là văn bản pháp lý trình bày những kết luận của giám định viên về những yêu cầu đã được đặt ra trong quyết định trưng cầu giám định

Kết luận giám định có nội dung chính như sau:

- + Địa chỉ của cơ quan trưng cầu giám định
- + Tên cơ quan tiến hành tố tụng hoặc họ tên người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định; số công văn trưng cầu giám định, tên vụ việc, thời gian xảy ra.
- + Thời gian nhận văn bản trưng cầu giám định
- + Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định.
- + Chữ ký của người giám định; Chưa ký và đóng dấu của người đứng đầu tổ chức được trưng cầu giám định

Kết luận giám định là một loại tài liệu pháp lý nên phải được sử dụng một cách nghiêm túc theo đúng những yêu cầu của luật pháp và những yêu cầu bảo mật của hoạt động điều tra.

- Bản minh họa giám định: Bản minh họa giám định là những tài liệu dùng để minh họa cho nội dung trong biên bản giám định hoặc bản kết luận giám định, giúp cho vấn đề cần trình bày dễ hiểu hơn.

Bản minh họa giám định có thể là phim, băng hình, bản ảnh, bản vẽ, sơ đồ, số liệu, kết quả tính toán, phân tích...

- + Các tài liệu minh họa được trình bày có hệ thống đảm bảo tính khoa học trung thực và chính xác

- + Bản minh họa giám định được đính kèm với bản kết luận giám định và được lưu trong hồ sơ giám định.

Ngoài các loại tài liệu trên, trong hồ sơ giám định còn có thể có một số tài liệu như: Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện.

Hồ sơ Giám định được đánh số lưu trữ theo số thứ tự tiếp nhận vụ việc trong năm; có sổ theo dõi tiếp nhận, sổ ghi tình hình vụ việc và có biên bản giao nhận đối với từng vụ việc cụ thể. Hồ sơ được đăng ký với phòng PV27 – CATP Đà Nẵng (theo Hướng dẫn số 3557/HD – C41 – C53 quy định về công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ Cảnh sát ).

#### **1.4. Vai trò của giám định tư pháp trong việc giải quyết vụ án hình sự**

Trong điều kiện đẩy mạnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay, việc đổi mới và hoàn thiện các tổ chức hỗ trợ tư pháp nói chung và giám định tư pháp nói riêng là một trong những nội dung quan trọng được đề cập trong nhiều Nghị quyết của Đảng. Nhận thức được tầm quan trọng của giám định trong lĩnh vực Tư pháp Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết 49 về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Về thể chế công tác giám định tư pháp đã được hoàn thiện đánh dấu bằng Pháp lệnh Giám định tư pháp và Nghị định 67/2005/NĐ – CP hướng dẫn thực hiện một số điều của Pháp lệnh. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp cũng được quan tâm xây dựng bằng Quyết định 74/2009/QĐ – TTg; về tổ chức, đội ngũ giám định tư pháp và cơ sở vật chất phục vụ công tác giám định từng bước được hoàn thiện, hoạt động giám định tư pháp đi vào ổn định. Tuy nhiên sau gần 5 năm thi hành Pháp lệnh hoạt động giám định tư pháp vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Ngày 11/2/2010 Thủ tướng chính phủ đã ra Quyết định số 258 phê duyệt Đề án *Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp*, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 5651/QĐ – UBND ngày 4/7/2011 Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 258 tại thành phố Đà Nẵng. Quốc hội Luật số 13/2012/QH13 đã ban hành Luật giám định tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/01/2013, Nghị định 85/2013/NĐ - CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật giám định Tư pháp, Quyết định 01/2014/QĐ - CP về chế độ bồi dưỡng giám định...

Những văn bản nêu trên để giải thích vai trò vị trí quan trọng của công tác giám định tư pháp; là một nguồn chứng cứ (theo quy định của Điều 64 Bộ luật

*TTHS năm 2003 và Điều 87 Bộ Luật TTHS năm 2015*); kết luận giám định cung cấp cho các bên trong quan hệ tố tụng những thông tin cần thiết làm căn cứ để đưa ra các lập luận, quan điểm của mình trong việc chứng minh sự thật của vụ án và giải quyết vụ án. Kết luận giám định là một loại phương tiện chứng minh rất quan trọng, mang tính khoa học cao, vì nó là kết quả của việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ để xác định sự thật cần chứng minh. Khoa học càng phát triển nhất là khoa học về giám định, kết luận giám định càng có giá trị chứng minh cao và càng thuyết phục khi được sử dụng làm phương tiện chứng minh trong quá trình tố tụng. Do đó việc trưng cầu giám định, đánh giá kết luận giám định, sử dụng kết luận giám định trong một vụ án là rất quan trọng, nhất là trong trường hợp có nhiều kết quả giám định khác nhau cho cùng một đối tượng.

Giám định KTHS giúp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng xây dựng giả thuyết điều tra; định hướng cho các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trong phòng ngừa tội phạm, xây dựng tàng thư nghiệp vụ... Những thông tin được cung cấp trong quá trình tổ chức giám định KTHS, ví dụ như: giám định dấu vết đường vân, dấu vết máu... có thể giúp cơ quan CSĐT đưa ra giả thuyết số lượng thủ phạm, về công cụ, phương tiện gây án, đồng thời đưa ra những nhận định về diễn biến, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của thủ phạm trên hiện trường, làm cơ sở tiến hành hoạt động điều tra một cách khoa học, hiệu quả; thông qua kết quả giám định kết hợp với các chứng cứ khác. Tòa án giải quyết, xét xử một cách công minh các vụ án hình sự trên cơ sở khoa học chắc chắn các vấn đề cần chứng minh.

Sử dụng kết luận giám định trong những vụ án(*nhiều vụ án kết luận giám định mang tính chất quyết định duy nhất để khởi tố hay không khởi tố vụ án; xét xử thấu tình đạt lý*) là chìa khóa mở ra công tác điều tra, xử lý tội phạm nhiều vụ án lớn, khai thông bế tắc các vụ án phức tạp. Đặc biệt là kết luận giám định sẽ chứng minh sự thật của vụ án, là chứng cứ để tiến hành khởi tố buộc tội hoặc minh oan cho người vô tội, giúp cho việc xử lý đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

## **Kết luận Chương 1**

Chương 1 của luận văn đã tập hợp, phân tích, đánh giá vai trò và tầm quan trọng của giám định tư pháp ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Trên cơ sở pháp luật hiện hành về hoạt động giám định, luận văn đã nêu khái niệm giám định tư pháp, giám định KTHS; các chuyên ngành giám định KTHS và pháp y CAND, quy trình giám định chung, đặc biệt là đã làm rõ cơ sở pháp lý của công tác giám định dấu vết trong các vụ án hình sự dựa vào các quy định trong Luật tổ tụng Hình sự năm 2003 năm 2015; Luật Giám định tư pháp, Nghị định số 85/2013/NĐ – CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; 20 quy trình giám định KTHS và pháp y CAND ban hành kèm theo Thông tư số 46/2013/TT – BCA, ngày 5/11/2013 của Bộ trưởng Bộ công an; Đề án 258/QĐ – Ttg về việc phê duyệt Đề án Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp của Thủ tướng Chính phủ.

Nhấn mạnh những vấn đề cơ bản về giám định tư pháp, phương pháp tiến hành giám định của các chuyên ngành giám định KTHS và pháp y CAND. Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm theo trình tự thủ tục luật định là người đưa ra kết luận giám định mang tính khách quan, khoa học, chính xác và do vậy, kết luận giám định là cơ sở là nguồn chứng cứ quan trọng cho việc chứng minh sự thật của vụ án.

Chương một là cơ sở định hướng cho các chương sau của luận văn, nhất là trong việc nghiên cứu, đánh giá tình hình phạm pháp hình sự nói chung và tình hình tội phạm ANCT và TTATXH nói riêng, đồng thời là những căn cứ quan trọng để tìm hiểu thực trạng công tác trung cầu giám định, sử dụng kết luận giám định trong các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong 5 năm qua.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. Đặc điểm tình hình an ninh trật tự và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố liên quan đến hoạt động giám định tư pháp**

Đà Nẵng là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Miền trung Tây nguyên, có vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông và phát triển kinh tế. Chính quyền thành phố rất quan tâm đến quy hoạch đô thị, phát triển kinh tế, du lịch; có những cách làm hay và sáng tạo, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, phấn đấu trở thành thành phố bình yên và đáng sống.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình hoạt động của tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây thiệt hại đáng kể đến tài sản của nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của địa phương. Đây là vấn đề nhức nhối, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân và là thách thức đối với toàn lực lượng Công an thành phố Đà Nẵng.

Theo thống kê từ đầu năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng xảy ra 4074 vụ phạm pháp hình sự các loại. Công an thành phố Đà Nẵng đã tích cực triển khai thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, điều tra, xử lý nhằm góp phần giữ vững tình hình an ninh trật tự. Tuy nhiên kết quả công tác điều tra, khám phá tội phạm của lực lượng Công an thành phố còn nhiều hạn chế, đạt tỷ lệ thấp; đa số các vụ án đã khám phá là các vụ phạm tội quả tang; còn một số lượng không nhỏ án chưa rõ người phạm tội chưa được điều tra khám phá, tòa án, Viện kiểm sát các cấp vẫn còn nhiều án tồn đọng chưa được xét xử. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: Lực lượng trực tiếp đấu tranh với tội phạm như điều tra viên, trinh sát viên còn thiếu; một bộ phận cán bộ tinh thần trách nhiệm trong đấu tranh chống tội phạm chưa cao; chưa có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hoạt động điều tra tố tụng; Tòa án chưa xét xử độc lập; Đôi khi xét xử còn có 3 cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án họp liên ngành để đưa ra quyết định định tội

danh...; một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trong thời gian qua là công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi còn nhiều hạn chế như không phát hiện, thu lượm được dấu vết vật chứng, bỏ sót nhiều dấu vết hoặc thu được dấu vết nhưng không đủ yếu tố giám định truy nguyên, tỷ lệ số vụ thu được dấu vết đủ yếu tố truy nguyên rất thấp, chưa định hướng cho hoạt động điều tra truy tìm vật chứng và người phạm tội... không thu được dấu vết nên không trung cầu giám định, sử dụng kết luận giám định trong việc giải quyết các vụ án. Tòa án, VKS chưa đánh giá, sử dụng hiệu quả kết luận giám định trong quá trình xét xử hoặc bỏ qua không trung cầu giám định...

## **2.2. Thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong việc giải quyết, xử lý các vụ án hình sự tại thành phố Đà Nẵng**

Phòng Kỹ thuật hình sự (KTHS) là tổ chức giám định tư pháp lĩnh vực KTHS duy nhất của Công an thành phố Đà Nẵng; có chức năng chính là tiến hành các hoạt động giám định KTHS đối với: dấu vết đường vân, dấu vết cơ học, súng đạn, tài liệu, kỹ thuật, âm thanh (*đọc nội dung ghi âm*), sinh học (*giám định máu*), hóa học (*ma túy và tiền chất ma túy*) và giám định pháp y tử thi theo trung cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng, các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ trong Ngành công an và các cơ quan, tổ chức xã hội khác.

Hiện nay phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng và các giám định viên tổ chức hoạt động theo luật Giám định tư pháp năm 2012, Nghị định 85/2013 – ND-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. Giám định viên được tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm đúng chuyên ngành, đúng tiêu chuẩn theo Điều 7 Luật giám định tư pháp. Hiện có 14 giám định viên tư pháp, trong đó có 09 giám định viên 02 lĩnh vực.

Điều 7 Luật Giám định tư pháp quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm GĐV tư pháp. Theo đó người được bổ nhiệm GĐV tư pháp phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ đại học trở lên và đã qua hoạt động thực tế chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ 5 năm trở lên.

Trên cơ sở quy định chung về tiêu chuẩn bổ nhiệm GĐV tư pháp, Thông tư

số 33/2014/TT-BCA, ngày 05/8/2014 của Bộ trưởng Bộ công an quy định chi tiết tiêu chuẩn trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm GĐV KTHS. Tại Điều 4 – Thông tư 33/2014/TT – BCA đã quy định tiêu chuẩn GĐV KTHS cụ thể đối với 10 chuyên ngành giám định KTHS như: là sỹ quan nghiệp vụ công an, sỹ quan quân đội nhân dân tại ngũ; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ giám định ở chuyên ngành được đề nghị bổ nhiệm do Viện KHHS hoặc cơ quan Khoa học hình sự ở nước ngoài được công nhận tại Việt Nam theo quy định về giáo dục và Điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. 10 chuyên ngành giám định KTHS được quy định trình độ đại học trở lên phải phù hợp với chuyên ngành giám định. Ví dụ: Người được xét bổ nhiệm GĐV chuyên ngành kỹ thuật số điện tử thì phải có trình độ đại học trở lên và phải thuộc trong những nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử viễn thông; nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin... Người được bổ nhiệm GĐV hóa học phải có trình độ là kỹ sư hóa... Ngoài ra Thông tư số 33/2014/TT-BCA đã quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm GĐV KTHS(Điều 5); hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm GĐV KTHS(Điều 6); thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi thẻ GĐV KTHS(Điều 8).

Về nội dung giám định: Chủ thể là giám định viên kỹ thuật hình sự dựa vào sự cần thiết về lĩnh vực cần giám định được cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định theo quy định thì tiến hành nghiên cứu, xem xét, phân tích và đưa ra kết luận giám định theo trưng cầu trên cơ sở thực hiện các nguyên tắc giám định (Điều 73 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 100 – Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về Kết luận giám định) và khi đó Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ (Điều 64 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 87 – Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về các nguồn chứng cứ).

Điều 159 của Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 210, 211 – Bộ luật TTHS năm 2015 quy định rõ căn cứ để tiến hành giám định lại và giám định bổ sung.

### **2.2.1. Những kết quả giám định làm thay đổi toàn diện vụ án**

Vụ giết người tại quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng: bà Hoa trú tại

phường Mỹ An, Đà Nẵng đến quán Nhậu Mười trên đường Ngô Quyền đòi nợ. Trong lúc xảy ra cãi vã, xô xát thì con bà Hoa là Trần Văn Sơn đi từ ngoài đường vào rút dao đâm chủ quán Nguyễn Hai tử vong trên đường đi cấp cứu. Tại cơ quan công an bà Hoa đã khai nhận tội mình đã dùng dao đâm chết ông Hai để che dấu tội của con trai. Ở hiện trường vụ án cơ quan điều tra đã thu được một dao dính máu và một số dấu dấp để lại tại hiện trường (*lúc này quán vắng không có người chứng kiến*). Tiến hành giám định loại dấu vân tay của bà Hoa trên cán dao và phát hiện nhiều dấu vết dấp không phải của bà Hoa và ông Hai, đã định hướng cho cơ quan điều tra là còn một đối tượng nữa tại hiện trường. Trước những kết luận giám định bà Hoa buộc phải thừa nhận, Sơn đã dùng dao đâm chết ông Hai.

Vụ Nguyễn Thành Luân đã bị nhiều đối tượng dùng hung khí đánh vỡ sọ não sau đó vớt ra đường Nguyễn Tất Thành thuộc khu vực P. Hòa Minh, Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giả hiện trường TNGT. Tiến hành giám định tử thi xác định đây là vụ án mạng, nguồn chứng cứ duy nhất cho cơ quan CSĐT khởi tố vụ án.

Vụ giết người chưa rõ tung tích tại quán nhậu vỉa hè đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Đà Nẵng, nạn nhân mang theo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hoài Bảo trú tỉnh Hòa Bình nhưng khi tiến hành giám định không phải danh tánh nạn nhân như trong chứng minh nhân dân mà là một người khác, định hướng cho cơ quan CSĐT truy tìm tung tích nạn nhân, mở ra hướng điều tra mới.

Năm 2013 Tòa án Tối cao tại thành phố Đà Nẵng xét phúc thẩm vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc khiếu kiện giả mạo giấy tờ cơ quan nhà nước (*giấy kết hôn với người nước ngoài – người Hà Lan gốc Việt*). Chị Ba trú tại Ba Làng, Khánh Hòa đề nghị giám định giấy kết hôn của chị với việt kiều Hà Lan là Ruth Hung, chị khai rằng đó là giấy thật, chị với chồng của mình đã đăng ký kết hôn tại Khánh Hòa năm 1993. Mẫu chữ ký của người chồng từ Hà Lan gửi về còn dấu niêm phong nhưng khi giám định không xác định được có do anh Ruth Hung ký không vì chữ ký không đồng dạng, vụ án xử sơ thẩm ở Khánh Hòa tắc do không kết luận được. Khi trưng cầu giám định tại phòng KTHS CATP Đà Nẵng các giám định viên đã nghiên cứu và cho rằng anh Ruth Hung đã thay đổi mẫu chữ ký. Bằng sự hiểu biết GDV đã đề nghị Tòa tối cao tại Đà Nẵng về Sở tư pháp Khánh Hòa để thu

mẫu vì lý do là kết hôn với người nước ngoài sẽ được tiến hành tại Sở tư pháp tỉnh, Sở tư pháp sẽ lưu một bản gốc và cấp cho đương sự một bản gốc. Kết luận giám định đã xác định chính xác đó là chữ ký thật, giấy kết hôn thật minh oan cho chị Ba đồng thời giúp Tòa án xét xử vụ việc công minh.

Theo quy định của pháp luật tố tụng Hình sự năm 2003 và năm 2015 thì kết luận giám định là một nguồn chứng cứ để xem xét, đánh giá cùng với các nguồn chứng cứ khác để xác định sự thật trong quá trình giải quyết vụ án, thuộc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền. Việc xem xét đánh giá kết luận giám định phải căn cứ vào phương pháp giám định, phương tiện giám định, quy trình giám định và khả năng chuyên môn, sự độc lập khách quan của giám định viên. Tuy nhiên thực tế cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng còn lúng túng thiếu quyết đoán trong việc xem xét đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong vụ án khi có nhiều bản kết luận giám định khác nhau về cùng một vấn đề. Vì thế nhiều vụ án còn kéo dài như vụ bà Nguyễn Thị Thoa trú ở Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội do Tòa án tối cao thành phố Hà Nội thụ lý trong vòng 14 năm ròng, bà Thoa đã kêu cứu, trưng cầu giám định 05 tổ chức giám định khác nhau (*trong đó có phòng Kỹ thuật Hình sự CATP Đà Nẵng*) và đã kết luận giám định khác nhau. Đến nay bà Thoa đã chết trong trại giam tỉnh Lào Cai vụ án đã khép lại nhưng vẫn không xét xử dứt điểm; nhiều vụ án có ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng cũng không xét xử được do ngay từ đầu cơ quan tiến hành tố tụng đã không thu thập được những tài liệu trọng tâm của vụ án, không trưng cầu giám định để xác định bản chất của vụ việc.

Nhiều vụ án bị tắc không phải là do hoạt động giám định tư pháp mà do nhận thức, quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tố tụng về giải quyết vụ án, về sự cần thiết của việc trưng cầu giám định, có tình trạng lấy kết quả giám định thay cho kết quả điều tra, coi kết luận giám định quan trọng hơn kết luận điều tra... như vụ gian lận tài chính của công ty Xăng dầu hàng không đã rút tiền hỗ trợ của Nhà nước hàng chục tỷ đồng. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thấy chứng cứ đã đủ chứng minh hành vi phạm tội, người phạm tội, không cần thiết phải trưng cầu giám định nhưng Tòa án thành phố cho rằng cần phải trưng cầu giám định các tài liệu chi

không thì mới tiến hành xét xử, khiến cho vụ việc bị tắc và buộc phải đình chỉ.

Trong 5 năm từ 2011 đến 2015 phòng KTHS công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành giám 26039 yêu cầu giám định, trong đó xác định 6937 yêu cầu có tội phạm, loại trừ 19102 yêu cầu, cụ thể:

Vụ Huỳnh Văn Soạn trú tổ 4 P. Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi được Chi nhánh công ty Kim Tín tại Đà Nẵng ký hợp đồng làm nhân viên bán hàng. Trong quá trình làm thủ tục giao nhận hàng của công ty với khách hàng, Soạn đã giả chữ ký của 20 khách hàng trên 120 biên bản để chiếm đoạt số tiền là 1.326.973.000đ của công ty Kim Tín. Tiến hành giám định xác định chữ ký trên 120 biên bản giao nhận hàng là do Soạn ký giả làm cơ sở để phòng PC46 khởi tố vụ án; vụ kiện “ *chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” đối với ông Nguyễn Tòng Bá (*tổ 36 P. Hòa Minh, Liên Chiểu*). Tiến hành giám định xác định chữ “*Bá*” trên các tài liệu nêu trên là không do ông Bá viết ra làm cơ sở cho Tòa án Thanh Khê xét xử vụ án; vụ mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước xảy ra tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Nam Long số 639 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu. Phòng PC54 tiến hành giám định xác định chữ ký trên các hóa đơn GTGT không là của ông Ân- Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Nam Long , công ty Nam Long đã bán hóa đơn không chiếm đoạt tiền thuế của nhà nước khoảng 400 triệu đồng làm cơ sở phòng PC46 khởi tố vụ án.

Kết luận giám định đã tích cực giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ việc, có những vụ kết luận giám định là một trong những chứng cứ quan trọng nhất để quá trình điều tra, truy tố, xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật... *điển hình*: Giám định kết luận Đặng Mạnh Cường (1974, trú P. Hoà Thọ Tây, Đà Nẵng) giả chữ ký, dấu vân tay của vợ chồng ông Tán Thê (*phường Hoà Thọ Tây, Đà Nẵng*) trên hồ sơ tách 17 thửa đất, sau đó câu kết với một số đối tượng khác lập hồ sơ, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng 17 lô đất nói trên để cầm cố hoặc bán cho người khác. Giám định kết luận hàng ngàn hồ sơ xin cấp đất xây dựng giả chữ ký ông Nguyễn Bá Thanh – chủ tịch thành phố; ông Nguyễn Văn Tuấn – Giám đốc sở Tài nguyên môi trường; chữ ký của chủ tịch, phó chủ tịch và hình dấu tròn UBND các phường Hoà Quý, Hoà Minh, Hoà Khánh, Bắc Mỹ An, làm cơ sở quan

trọng để cơ quan điều tra các cấp bóc gỡ đường dây làm hồ sơ “3 lá” giả, lừa bán đất cho nhân dân.

*Giám định đường vân:* tiến hành giám định 8256 yêu cầu, xác định 135 yêu cầu có tội phạm (trong đó xác định thủ phạm của 05 vụ án mạng và 37 vụ trộm) góp phần quan trọng quyết định trong công tác điều tra phá án.

Việc xác định dấu vân tay thu được tại hiện trường ngày 15/6/2013 ở khu đất trống thuộc khu du lịch ven Sông Hàn, phường An Hải Tây của công ty Cổ phần thương mại Cù Lao Chàm viết khẩu hiệu có nội dung xấu gây ảnh hưởng đến ANTT khu vực. Phòng PC54 tiến hành khám nghiệm hiện trường thu được dấu vân tay trên cọ sơn dùng để viết lên tường rào bằng tôn tại hiện trường là của ông Dương Văn Hương, trú phường An Hải Tây, Đà Nẵng viết ra (ông Hương có mâu thuẫn với công ty du lịch Sông Hàn) góp phần định hướng điều tra, xác định bản chất vụ việc và ổn định dư luận xã hội.

Vụ trộm tài sản khoảng 100 triệu đồng tại công ty may mặc VinaKad khu công nghiệp Hòa Khánh ngày 14/12/2012; vụ trộm 6 thiết bị điện trị giá khoảng 30 triệu đồng tại công ty Mabuchimotor ngày 30/01/2013; vụ đột nhập trộm tài sản trên 180 triệu đồng tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Dân Thọ, số 100 Bế Văn Đàn – quận Thanh Khê vào đêm 23/5/2013; vụ trộm nhà ông Trần Văn Sỹ, số 271 Điện Biên Phủ đêm 19/12/2013; vụ trộm trên 140 triệu đồng trong đêm 08/6/2013 tại Tiểu đoàn 4 - trường Quân sự Quân khu V; vụ trộm khoảng 20 triệu đồng tại nhà ông Nguyễn Dũng Anh, số K230/01/08 đường Nguyễn Công Trứ, thành phố Đà Nẵng ngày 19/8/2014.

Lúc 18h ngày 11/3/2015 tại ngã tư đường Nguyễn Tất Thành – Hà Khê thuộc phường Xuân Hà, Thanh Khê, Đà Nẵng, đội CSĐT về ma túy CAQ Thanh Khê phát hiện Nguyễn Hải Nam trú tổ 14 phường Xuân Hà, Đà Nẵng chở Trương Ngọc Hòa trú Ấp 3 Xuân Hòa, Đồng Nai có biểu hiện nghi vấn tàng trữ, sử dụng chất ma túy trái phép. Qua kiểm tra phát hiện Hòa vắt một gói bao nilong đựng ma túy trong thùng rác, công an quận Thanh Khê đã thu giữ và trưng cầu giám định. PC54 tiến hành giám định xác định là chất ma túy nhưng đối tượng không nhận đó là gói nilong do mình vứt, tiếp tục thu dấu vân tay trên bao nilong đựng các chất

ma túy, tiến hành giám định xác định là của Trương Ngọc Hòa, buộc đối tượng cúi đầu nhận tội.

*Giám định súng, đạn:* Chỉ chiếm 0,17% trong tổng số yêu cầu giám định nhưng đã góp phần cùng Cơ quan điều tra hình sự quân khu 5 giải quyết hàng loạt vụ án về quân nhân.

Ngày 3.7.2013 trong hội thao bắn súng ngắn K54 tại trường bắn tiểu đoàn cơ động Biên phòng Kontum, quân nhân A Thiên (*trú Đăkblô Đăklei, Kontum*) thực hiện xong về vị trí trả súng và để súng lên bàn. Quân nhân A Hữu nhận súng, cầm súng bằng tay phải cách bàn 30cm thì súng nổ, đạn xuyên qua ngực trái làm A Thiên tử vong tại chỗ. Phòng điều tra hình sự khu vực II khám nghiệm hiện trường thu được vỏ đạn, cơ quan điều tra hình sự khu vực II Bộ đội Biên phòng trung cầu giám định. Tiến hành giám định xác định vỏ đạn thu được tại hiện trường không do khẩu súng K54 bắn ra, làm cơ sở cơ quan điều tra hình sự khu vực II xem lại kết quả khám nghiệm hiện trường, thu lại mẫu phục vụ giám định và định hướng điều tra.

*Giám định kỹ thuật (ký tự đóng chìm trên kim loại):*

Vụ công ty Bảo Việt Đà Nẵng tố cáo ông Nguyễn Văn Xuân (*tổ 26 phường Thanh Khê Đông*) đã tháo máy tàu Daiya đem bán và khai báo tàu bị chìm nhằm chiếm đoạt tiền Bảo hiểm của công ty Bảo Việt. Ngày 17.10.2012 Chi cục thủy sản Đà Nẵng kiểm tra động cơ máy chính tàu của ông Phan Lành (*phường Nại Hiên Đông*) phát hiện tàu của ông Lành có cùng số máy của tàu ông Xuân đã đăng ký trước đây. Tiến hành giám định xác định decal số máy, số máy trên tàu là do cùng một dãy số cà ra, trả lời cho công ty Bảo Việt Đà Nẵng không phải lừa đảo, tránh oan sai cho người vô tội.

Ngoài các yêu cầu giám định do cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu, PC54 còn tiến hành giám định các yêu cầu ngoài tố tụng do phòng PC67 và đội CSGT công an các quận, huyện trung cầu (*8462 yêu cầu, chiếm 33,25% tổng các yêu cầu giám định*): số khung, số máy xe ô tô, mô tô... phục vụ công tác truy tìm chủ phương tiện trả lại tài sản cho người bị mất; phục vụ yêu cầu đăng ký quản lý xe, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực TTATGT và thanh lý xe vô chủ.

*Giám định cơ học:* Năm 2013, 2014 có 37 vụ TNGT không xử lý được dẫn đến khiếu kiện kéo dài, cơ quan điều tra Công an các quận, huyện yêu cầu PC54 giám định cơ học. Qua giám định đã xác định được cơ chế hình thành dấu vết, nguyên nhân gây TNGT và lỗi của các bên tham gia giao thông gây tai nạn. Từ đó giúp cơ quan điều tra giải quyết ổn thỏa vụ việc chấm dứt khiếu kiện.

*Giám định pháp y:* Phòng KTHS công an thành phố Đà Nẵng triển khai giám định pháp y tử thi từ tháng 2/2014 đến nay đã tiến hành giám định 213 vụ chết người trong các vụ án mạng, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các vụ tự tử, bệnh lý nghi án; tai nạn khác như chết do điện giật, ngạt nước, cháy nổ... kịp thời đáp ứng yêu cầu để các cơ quan điều tra tiến hành điều tra các vụ chết người chưa rõ nguyên nhân. 100% các vụ giám định pháp y đều xác định chính xác được nguyên nhân tử vong, đánh giá đúng cơ chế hình thành dấu vết trên nạn nhân, vật gây ra vết, hung khí của vụ án, diễn biến hành vi của nạn nhân và thủ phạm tại hiện trường là căn cứ quan trọng giúp cơ qua điều tra xử lý đúng vụ việc.

*Giám định ma túy:* 2397 yêu cầu chiếm 9,21% tổng số yêu cầu giám định, chủ yếu là cần sa dạng gói lá khô, thảo mộc khô – một loại cỏ Mỹ mà giới trẻ hiện nay rất chuộng; ma túy tổng hợp (MA, MAMD – thuốc lắc), ketamin và Heroin; Các đối tượng buôn bán đã nguy trang vận chuyển trên đường bộ, đường không và đường biển; gửi chuyển phát nhanh được phát hiện qua các bưu kiện gửi từ nước ngoài về... công tác này đã giúp các lực lượng điều tra CAND, lực lượng Biên phòng thành phố, Tòa án xét xử hàng trăm vụ buôn bán tàng trữ trái phép các chất ma túy, góp phần thực hiện mục tiêu “5 không” của thành phố Đà Nẵng.

Công tác giám định phát hiện nhiều thủ đoạn tội phạm mới: thủ đoạn sử dụng chứng minh nhân dân thật của người khác sau đó đăng ký tài khoản ở các Ngân hàng và sử dụng tài khoản này làm công cụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và người dân; giấy phép lái xe hiện nay được làm bằng thẻ Pet – một công nghệ hiện đại của Ý nhưng tại thành phố Đà Nẵng qua giám định đã xác định hơn 20 giấy phép lái xe loại thẻ Pet đã được làm giả bằng công nghệ không thua kém gì thẻ thật không thể phát hiện bằng mắt thường và phải bằng các phương tiện chuyên dùng trong giám định kỹ thuật tài liệu mới có thể xác định được.

Trong giám định các chất ma túy phát hiện: thủ đoạn pha trộn ma túy đá với một số chất khác hoặc các loại ma túy khác nhau nhằm làm tăng tác dụng kích thích hưng phấn và tăng khả năng gây nghiện; nguy trang pha trộn các chất ma túy hoặc tiền chất ma túy thành các sản phẩm tiêu dùng, hàng hóa tiêu dùng và gửi đi nước ngoài một số lượng lớn bằng chuyển phát nhanh bằng đường hàng không, đường bộ... Thủ đoạn chiết xuất Pseudoephedrine để sản xuất Methamphetamine (ma túy đá) hay bào chế cần sa thành bánh để ăn; sản xuất chất Dimethyl sulfone hoặc phen chua có hình dáng màu sắc giống ma túy đá lừa bán cho con nghiện.

### ***2.2.2. Hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có liên quan đến hoạt động trung cầu giám định***

#### ***2.2.2.1. Quyết định trung cầu giám định***

Trung cầu giám định là một biện pháp điều tra với mục đích tìm kiếm chứng cứ, chứng minh những điều cần phải chứng minh theo Điều 85 - Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Đây là điều kiện đầu tiên để thực hiện hoạt động giám định. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Giám định tư pháp thì Quyết định trung cầu giám định là một văn bản pháp lý do Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra quyết định, theo đó Cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án; Người tiến hành tố tụng phải là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát hoặc Chánh án, Phó Chánh án Tòa án. Quyết định trung cầu giám định phải đảm bảo các nội dung chính như: Tên cơ quan trung cầu giám định; họ, tên người tiến hành tố tụng trung cầu giám định; tên tổ chức; họ, tên người được trung cầu giám định; tóm tắt sự việc có liên quan đến đối tượng cần giám định; nguồn gốc và đặc điểm của đối tượng giám định; tên các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo; nội dung yêu cầu giám định; ngày, tháng, năm trung cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định. Trong trường hợp trung cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại thì văn bản trung cầu giám định phải ghi rõ là trung cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại.

Điều 21 Luật giám định tư pháp đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII, ngày 20-6-2012, quy định rõ về quyền, nghĩa vụ của người

trung cầu giám định, theo đó người trung cầu giám định có quyền: Yêu cầu cá nhân, tổ chức giám định trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu; Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định. Người trung cầu giám định cũng có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin tài liệu do mình cung cấp.

Điều 25 – Luật giám định tư pháp quy định người trung cầu giám định quyết định trung cầu giám định bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định và tài liệu, đồ vật có liên quan (*nếu có*) đến cá nhân tổ chức, thực hiện giám định.

Giám định KTHS được tiến hành từ khi có Quyết định trung cầu giám định đến khi có kết quả giám định (*Điều 156 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 208 – Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về thời điểm, thời gian giám định*). Trong thực tế, giám định KTHS có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự gọi là giám định “Tiền tố tụng”. Thời gian giám định cụ thể gắn với thời gian trong trung cầu giám định đến khi có kết quả giám định (*thời gian này được quy định trong quy trình giám định cho từng loại giám định cụ thể*).

Về địa điểm tiến hành giám định được quy định tại Điều 156 – Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 209 – Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về địa điểm tiến hành giám định. Theo đó hoạt động giám định KTHS chủ yếu được tiến hành tại phòng KTHS công an thành phố Đà Nẵng, ngoài ra có một số loại giám định như cơ học, kỹ thuật, pháp y tử thi... có thể tiến hành giám định tại hiện trường.

Có nhiều tồn tại trong việc trung cầu giám định, do Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa nhận thức đúng về công tác giám định. Đôi khi đưa ra yêu cầu cao trong khi thực tế vượt quá khả năng của GDV. Mặt khác một số cán bộ coi nhẹ công tác giám định, cung cấp không đầy đủ các thủ tục điều kiện cần thiết để thực hiện giám định nên đã gây không ít khó khăn cho GDV và cơ quan giám định trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời các trung cầu giám định.

Về thời hạn trung cầu giám định, về sử dụng kết quả giám định Bộ Luật

TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015 vẫn không quy định cụ thể thời hạn trung cầu là bao lâu. Việc giám định lại, giám định bổ sung cũng chưa được quy định cụ thể. Việc trung cầu giám định lại là bắt buộc nếu hồ sơ vụ việc đã được bắt cứ cơ quan giám định nào đó tiến hành giám định cho dù cơ quan trung cầu giám định lại không phải là cơ quan trung cầu giám định lần đầu.

#### *2.2.2.2. Công tác thu lượm, xử lý, bảo quản các dấu vết, tài liệu phục vụ giám định*

Việc nghiên cứu về thời gian, địa điểm, đặc điểm, động cơ mục đích gây án giúp cho Cơ quan điều tra xác định những loại dấu vết hình sự nào có ý nghĩa đối với trung cầu giám định, sự hình thành và tồn tại của dấu vết, nơi để lại dấu vết, phương pháp, phương tiện thu giữ, bảo quản dấu vết có ý nghĩa quan trọng trong trung cầu giám định và cả trong hoạt động giám định.

Ví dụ xác định những vấn đề cần thiết phải trung cầu giám định như thời gian chết, cơ chế chết trong các vụ án mạng, chết người chưa rõ nguyên nhân...sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc định hướng các hoạt động điều tra tiếp theo. Trên cơ sở đó, hoạt động điều tra sẽ tập trung vào việc phát hiện, thu giữ các dấu vết, mẫu vật cần thiết cho hoạt động trung cầu giám định.

Tuỳ vào cách thức và phương tiện gây án mà có những hiện trường, dấu vết đặc trưng của nó. Nắm được quy luật này sẽ tạo điều kiện cho hoạt động điều tra và nhất là công tác khám nghiệm hiện trường, phát hiện, thu thập dấu vết được chủ động hơn và có chất lượng. Trên cơ sở nghiên cứu những cách thức, phương tiện gây án, Cơ quan điều tra sẽ tập trung phát hiện và thu giữ những dấu vết có ý nghĩa với hoạt động trung cầu giám định. Ví dụ như trong vụ giết người, đối tượng dùng súng bắn chết nạn nhân thì cơ sở xác định được cách thức, công cụ gây án sẽ giúp cho Cơ quan điều tra tập trung vào việc phát hiện, thu giữ vỏ và đầu đạn để trung cầu giám định, truy nguyên khẩu súng và người sử dụng nó trong số những khẩu súng, đối tượng nghi vấn.

Và dấu vết hình sự chính là sự phản ánh vật chất của hành vi phạm tội. Chính dấu vết hình sự là phản ánh khách quan nội dung, diễn biến, công cụ, phương tiện, động cơ, mục đích cũng như những tình tiết khác của vụ án.

Ngoài những dấu vết đặc trưng của động cơ mục đích gây án thì thường có những loại dấu vết phổ biến sau:

- Dấu vết vân tay, vết chân, giày dép;
- Dấu vết thương tích bên ngoài và bên trong tử thi;
- Các dấu vết: máu, lông, tóc, nước bọt, chất thải sinh vật như phân, nước tiểu;
- Các dấu vết về chất nổ, chất cháy, mảnh đạn, đầu đạn...;
- Các dấu vết công cụ dùng để cạy phá;
- Các dấu vết phương tiện giao thông;
- Các dấu vết hình sự khác....

Bất cứ một hiện trường nào cũng để lại dấu vết. Tuy nhiên, việc phát hiện và thu giữ được dấu vết đó được hay không là một việc hoàn toàn khác. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: thời gian từ lúc xảy ra sự việc đến lúc phát hiện hiện trường; điều kiện về thời tiết và ánh sáng khi khám nghiệm; mức độ xáo trộn của hiện trường; thủ phạm có đủ thời gian để xóa dấu vết; hiện trường ở trong nhà hay ngoài trời; điều kiện thời tiết có làm ảnh hưởng nhiều hay ít đến sự tồn tại của dấu vết; trình độ của cán bộ làm công tác khám nghiệm hiện trường; phương tiện, công cụ hỗ trợ công tác khám nghiệm...

Dấu vết hình sự được phát hiện và thu giữ có chất lượng cao hay thấp, nhiều hay ít phụ thuộc vào nhận thức của cán bộ làm công tác điều tra ban đầu về quy luật hình thành và tồn tại dấu vết. Việc thu mẫu đúng trình tự tổ tụng và đảm bảo số lượng, chất lượng là cơ sở vững chắc để tiến hành hoạt động trung cầu giám định cũng như quyết định đến hiệu quả hoạt động này. Trên cơ sở nghiên cứu về đặc điểm dấu vết hình sự giúp cho Cơ quan điều tra đánh giá những loại dấu vết nào có khả năng thu giữ cũng như có giá trị đối với việc trung cầu giám định.

Ví dụ: quá trình khám nghiệm hiện trường thu được vết máu nghi vấn của đối tượng gây án để lại. Sau đó ta thu được mẫu máu của đối tượng nghi vấn và trung cầu giám định. Kết quả sẽ khẳng định ngay vết máu thu ở hiện trường là máu của đối tượng hoặc không phải của đối tượng. Chỉ có kết luận như vậy thì dấu vết mới được xem là chứng cứ và có giá trị chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt

khác, kết luận giám định khẳng định có tác dụng tích cực đối với quá trình điều tra vụ án vì giúp cơ quan trung cầu xác định đúng bản chất sự việc.

Trong các vụ án lừa đảo về tiền, hợp đồng kinh tế... cơ quan điều tra phải thu thập những tài liệu có liên quan trực tiếp hay những tài liệu có giá trị chứng minh vụ án, đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải có kiến thức nhất định mới có thể thu thập đầy đủ, không bỏ sót những tài liệu phục vụ công tác trung cầu giám định. Trong thực tế, tuy không nhiều nhưng còn có những trung cầu giám định phục vụ cho yêu cầu chủ quan của đối tượng tham gia tố tụng.

Theo thống kê từ năm 2011 đến 2015, phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành giám định 26039 yêu cầu giám định, trong đó: Tòa án chỉ trung cầu 474 yêu cầu giám định; trong khi đó trên toàn thành phố Đà Nẵng từ 2011 đến 2015, Tòa án nhân dân các cấp xét xử án hình sự là 3882 vụ, trung cầu giám định chỉ chiếm tỷ lệ 12, 21% trong tổng số vụ án được xét xử; Viện kiểm sát các cấp hầu như không trung cầu giám định lần đầu, giám định bổ sung hoặc giám định lại. Như vậy, yêu cầu giám định chủ yếu là từ phía cơ quan điều tra các cấp.

Hoạt động giám định là hoạt động khoa học dựa trên những thành tựu khoa học được pháp luật chấp nhận. Do đó, kết quả của hoạt động giám định là rất đáng tin cậy và là nguồn chứng cứ quan trọng, có giá trị chứng minh rất cao trong quá trình giải quyết vụ án. Thực tiễn trong nhiều vụ án, hoạt động trung cầu giám định là cơ sở giúp cho Cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan, nhanh chóng và chính xác, hạn chế oan, sai cũng như bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, kết quả của hoạt động trung cầu giám định còn là cơ sở để Cơ quan điều tra xác định có hay không có tội phạm xảy ra để tiến hành các hoạt động điều tra.

Không phải bất cứ thành tựu khoa học nào cũng được sử dụng vào điều tra, xử lý tội phạm, mà chỉ có những thành tựu khoa học có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra mới được xem xét, sử dụng. Nghĩa là kết quả của hoạt động này phải có ý nghĩa chứng minh trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Việc ứng dụng nó phải giải quyết được những yêu cầu thực tiễn hoạt động điều tra đặt ra và mức độ tin cậy và độ chính xác phải tuyệt đối. Điều này phải được chứng minh qua chiều dài hoạt động thực tiễn và trên cơ sở đó các thành tựu này mới được xem xét ứng dụng.

Vì vậy, hoạt động trung cầu giám định phải được xây dựng trên cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn vững chắc. Có như vậy, kết quả của hoạt động này mới đáp ứng được yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc đưa hoạt động trung cầu giám định vào điều tra xử lý tội phạm không thể thiếu một trong hai cơ sở trên.

Tòa án, VKS dựa vào sự chứng minh khoa học của các kết luận giám định, những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự được chứng minh logic khoa học giữa mối quan hệ giữa các chứng cứ khác, từ đó thực hiện quyền công tố và ra quyết định xét xử một cách chính xác. Điển hình là việc:

Giám định tư pháp xác định nguyên nhân, bản chất vụ việc vụ chết người ban đầu không rõ nguyên nhân, có nhiều nghi ngờ liên quan đến cơ quan công quyền và công an rất phức tạp như: vụ ông Võ Văn Thanh (*trú phường Xuân Hà*) đột tử tại UBND Q. Thanh Khê; ông Trương Tấn Cháp chết do bệnh lý tại Cục thi hành án; vụ Lê Kim Tiến đã tự ngã chân thương sọ não chết trong lúc công an phường Hòa Khê truy đuổi tội phạm; vụ nghi phá hoại mồ mả tại Hòa Khương, Hòa Vang; vụ tự tử tại nhà tạm giữ công an phường Thanh Bình, công an huyện Hòa Vang; Vụ chết người tại nhà trọ K382/H31/8 Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng nạn nhân Ngô Tiến Phú được báo là chết tại phòng trọ nghi là do điện giật, sau khi tiến hành khám nghiệm hiện trường và giám định tử thi xác định Phú chết là do bệnh lý... Giám định tử thi kết luận chính xác nguyên nhân chết góp phần ổn định dư luận xã hội, giải quyết dứt điểm không để xảy ra các điểm nóng về ANTT.

Đối với các vụ TNGT phức tạp, công tác giám định cơ học trên các phương tiện tham gia gây tai nạn, kết luận của giám định viên là căn cứ xác định chính xác lỗi trong các vụ tai nạn giao thông góp phần giải quyết đúng vụ việc, tránh người dân khiếu kiện kéo dài như: Vụ TNGT xảy ra ngày 15.8.2013 tại trước số nhà 285 Trường Chinh, tại hiện trường CSGT giữ lại xe mô tô của ông Vang (*đã chết trên đường đi cấp cứu*) và xe ô tô BKS 43X 4560. Theo dấu vết để lại trên 2 phương tiện xác định là *không do xe ô tô BKS 43X 4560 gây ra tai nạn*, mà do một xe ô tô khác có độ cao hơn và đi với tốc độ lớn gây ra; Vụ TNGT ngày 28.9.2013 tại ngã tư Trường Chinh và Lê Trọng Tấn, thành phố Đà Nẵng, bà Đinh Thị Đồi(*trú*

tổ 171 phường Hòa Phát) đi ngang qua đường, khi gần tới dải phân cách đường thì bị xe tải BKS 76C 01721 do Nguyễn Tấn Thới (*trú Bình Trung, Bình Sơn, Quảng Ngãi*) điều khiển đi từ Hòa Cầm đi ngã ba Huế đụng phải, hậu quả bà Đồi tử vong. Tài xế không nhận lỗi nên công an quận Thanh Khê đã trưng cầu giám định. Tiến hành giám định các dấu vết để lại trên phương tiện xác định *do tài xế chạy quá tốc độ, không xử lý kịp nên tông vào người đi bộ đang băng qua đường*, cản trước bên trái xe tải va vào bên trái của nạn nhân, dấu vết để lại trên xe tải phù hợp với dấu vết trên người nạn nhân, sau khi kết luận, lái xe đã nhận tội; Vụ tại trạm thu phí Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng ngày 28.9.2013, anh Tạ Khoa Quân điều khiển xe ô tô tải 77C – 044.17 vừa qua khỏi trạm thu phí bất ngờ va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 53V8 - 9088 do chị Nguyễn Thị Kim Tuyết điều khiển. Hậu quả chị Tuyết bị bánh xe ô tô cán nát tay trái. Tiến hành giám định dấu vết để lại trên xe tải và xe mô tô xác định *do chị Tuyết điều khiển xe máy mất lái, ngã về phía bên trái* đường giửa của xe máy mất vào cản trước bên hông xe tải ngã xuống và bị xe tải cán qua bánh trước xe máy và tay trái của chị Tuyết (*lúc này xe tải đi với tốc độ bình thường*).

Ngoài ra công tác giám định xác định đúng nguyên nhân, bản chất của vụ việc như: Vụ cháy tại căn hộ 17B – tòa nhà Indochina – 74 Bạch Đằng xảy ra ngày 6.10.2013, chủ hộ là Trần Anh Hà Trang, trú 131/T361 Vĩnh Tuy, Yên Lạc, Hà Nội đã cho một người có quốc tịch Singapo thuê. Sau khi giám định xác định các thiết bị điện trong căn hộ không có dấu hiệu chập cháy, toàn bộ việc cháy là do Trần Văn Thương (*mâu thuẫn tình ái với người thuê căn hộ*), trú tổ 170 phường Hòa Minh, Liên Chiểu đã đổ xăng đốt; Vụ nghi phá hoại mồ mả khu vực mộ của gia tộc Trịnh (*Hòa Khương, Hòa Vang*) ông Trịnh Quang Trinh đã báo cho chính quyền địa phương là khu mộ nhà ông bị đập phá. Tiến hành giám định kỹ thuật xác định mồ mả bị hư hỏng là do bị sét đánh.

Tháng 11/2011 phòng bảo vệ an ninh quân khu 5 đã gửi đến 13 bì thư và tài liệu có nội dung nói xấu cán bộ lãnh đạo gây mất đoàn kết nội bộ quân khu. Bằng nhiều phương pháp PC54 đã thu được dấu vết vân tay trên bì thư, giám định xác định 2 đối tượng trong nội bộ làm cơ sở để An ninh quân khu giải quyết vụ việc.

Cùng thời gian này trên địa bàn huyện Hòa Vang liên tục xảy ra các vụ cắt

trộm cáp điện thoại, phòng PC54 CATP Đà Nẵng đã tham gia khám nghiệm hiện trường thu lượm hàng trăm đoạn dây cáp bị ẩm ướt, dính bùn đất. Tiến hành xử lý thu dấu vết vân tay, giám định với đối tượng nghi vấn xác định Trương Công Tiên – Đại Lộc, Quảng Nam là thủ phạm gây ra các vụ án trên.

Ngày 3.4.2014 CAQ Sơn Trà đã bắt được 3 đối tượng nghi vấn trong vụ cắt trộm dây cáp ngầm thuộc hệ thống điện chiếu sáng trên bán đảo Sơn Trà thuộc khu vực phường Thọ Quang. Đến ngày 28.4.2014 quá trình điều tra thẩm vấn các đối tượng vẫn không khai nhận. CAQ Sơn Trà đã trưng cầu PC54 khám nghiệm lại hiện trường, thu được 02 vỏ chai nước khoáng nhựa vứt tại hiện trường, xử lý thu được 1 dấu vết vân tay và giám định kết luận là của Đậu Văn Hiệu, trú Sầm Sơn, Thanh Hóa, buộc đối tượng phải nhận tội.

Vụ giết người tại nhà nghỉ Xinh quận Sơn Trà, Đà Nẵng, đối tượng Nguyễn Minh Tuấn đã dùng búa đánh vào đầu nạn nhân đến chết. Cơ quan điều tra thu được dấu vân tay trên cán búa và dấu vân chân dính máu mà Tuấn đã để lại hiện trường. Giám định xác định dấu vân chân, vân tay thu được tại hiện trường vụ án là của Tuấn là chứng cứ chính xác chứng minh sự phạm tội của Tuấn.

Các giám định viên đã đưa ra kết luận giám định khẳng định (6937 yêu cầu) là một trong những nguồn chứng cứ pháp lý phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và phòng ngừa tội phạm. Nhưng với những kết luận không đồng nhất (19102 yêu cầu) không phải là không có ý nghĩa trong điều tra, truy tố, xét xử... những kết luận này giúp cơ quan tố tụng loại những đối tượng nghi vấn, chuyển hướng điều tra, xây dựng các giả thiết điều tra khác. Nhiều vụ án kết luận giám định loại trừ là chìa khóa minh oan cho hàng trăm trường hợp, giải thích nguyên nhân, bản chất vụ việc logic khoa học. Hiệu quả công tác giám định KTHS ngày càng cao, tác động tốt đến cơ quan trung cầu, người tham gia tố tụng, niềm tin về công lý tại Tòa án càng được thuyết phục.

#### *2.2.2.3. Đánh giá, sử dụng kết luận giám định*

Cũng giống như Việt Nam, pháp luật của các nước quy định kết luận giám định là một nguồn chứng cứ. Việc đánh giá và sử dụng chứng cứ thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì thế, việc đánh giá và sử dụng kết luận giám định

thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Nếu có sự khác nhau, thậm chí mâu thuẫn giữa các kết luận giám định về cùng một vấn đề thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm xem xét, đánh giá độ tin cậy của các kết luận giám định đó. Việc xem xét, đánh giá kết luận giám định phải căn cứ vào phương pháp giám định, phương tiện giám định, quy trình thực hiện giám định và khả năng chuyên môn của những người đã thực hiện giám định, những yếu tố bảo đảm sự vô tư, khách quan trong quá trình thực hiện giám định. Ngoài ra, cơ quan tiến hành tố tụng có thể chất vấn người thực hiện giám định hoặc yêu cầu những người giám định đến thuyết trình về kết quả giám định và bảo vệ kết luận giám định đó tại phiên tòa và tranh tụng với các bên tố tụng (*cả các bên đương sự và cơ quan buộc tội cũng như bên gỡ tội*). Thậm chí, cơ quan tiến hành tố tụng có thể mời một số chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực cần giám định để phân tích và đánh giá xem trong số các kết luận giám định đó thì kết luận giám định đáng tin cậy hơn, độ chính xác lớn hơn. Từ đó, cơ quan tiến hành tố tụng có thể tìm ra kết luận giám định có độ tin cậy hơn và sử dụng kết luận đó.

Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, cơ quan tiến hành tố tụng có thể trưng cầu cơ quan, tổ chức chuyên môn thứ ba có khả năng chuyên môn tốt hơn và trang thiết bị giám định hiện đại hơn hoặc cũng có thể trưng cầu những chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực cần giám định để thực hiện giám định. Thậm chí, trong những trường hợp đặc biệt, có thể trưng cầu tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện giám định.

Pháp luật của các nước không có quy định về giám định cuối cùng bởi vì việc có cần trưng cầu giám định hay không là tùy thuộc sự cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, với hoạt động giám định của các nước thì rất nề nếp, chặt chẽ, chất lượng, cộng với cách thức đánh giá kết luận giám định như đã nêu trên nên ít có mâu thuẫn kết luận giám định và nếu có thì đều được cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết thỏa đáng, hầu như không có khiếu kiện và không phải trưng cầu giám định nhiều lần.

Thực tế công tác giám định tư pháp của Công an Thành phố Đà Nẵng trong những năm qua có ý nghĩa thiết thực, góp phần quan trọng trong điều tra khám phá

và xét xử tội phạm. Song nhìn nhận một cách nghiêm túc, khách quan, toàn diện thì thấy hoạt động giám định tư pháp còn có những hạn chế, vướng mắc tồn tại nhất định, cụ thể:

Chưa có sự phối kết hợp cao giữa cán bộ giám định và đơn vị trung cầu giám định. Nhất là khi trả kết luận giám định cho đơn vị trung cầu thì tình hình diễn biến vụ việc, cũng như kết quả điều tra, xét xử vụ án không được thông tin lại cho cán bộ giám định biết. Hay cơ quan giám định chưa có sự hướng dẫn cơ quan trung cầu trong việc thu mẫu so sánh hoặc những yêu cầu giám định như thế nào cho đúng và phù hợp.

Một số yêu cầu giám định về tài liệu như giám định về tuổi mực, chất liệu giấy... vượt quá khả năng giám định của phòng KTHS phải chuyển lên Viện khoa học hình sự giám định.

Nhiều hồ sơ giám định phải từ chối giám định, trả lại cho cơ quan trung cầu giám định. Do cơ quan trung cầu không thu đủ mẫu so sánh hay mẫu cần giám định quá ít hoặc tài liệu mẫu cần giám định và mẫu so sánh thu được không trùng về thời gian cần giám định. Xem xét số liệu thực tế về giám định của phòng KTHS CATP Đà Nẵng thì trong năm 2011 số hồ sơ không đủ yếu tố giám định và trả hồ sơ thu thêm mẫu so sánh là 61 vụ, năm 2012 là 85 vụ, năm 2013 là 83 vụ, năm 2014 là 75 vụ và 2015 là 20 vụ (*theo báo cáo tổng kết năm 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015 của phòng KTHS CATP Đà Nẵng*).

Khối lượng công việc nhiều, số giám định viên tư pháp ít (14/22 người) và lực lượng cán bộ giám định thiếu phải phụ trách giám định các lĩnh vực khác nhau nên hồ sơ giám định làm chậm không trả lời theo đúng thời gian, nhất là trong những đợt cao điểm truy quét tội phạm của Công an thành phố nên hồ sơ liên tục bị dồn lại nhiều.

Một số trường hợp GĐV làm tắt không tuân theo quy trình giám định. Hồ sơ giám định chưa tuân theo quy định. Ví dụ trong hồ sơ giám định, giám định viên sử dụng bản ảnh giám định vào trong biên bản giám định, hay không kê tên đặc điểm giống và khác nhau.

Những tồn tại, vướng mắc kể trên do những nguyên nhân sau:

Hiện nay văn bản, hồ sơ liên quan đến giám định tài liệu chưa có sự tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ một cách thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Vì vậy dẫn đến nhiều tỉnh, thành phố, địa phương, cơ quan tự đưa ra những quy định riêng không có sự thống nhất theo một quy trình hay một mẫu chung. Ví dụ như về quy trình giám định tài liệu từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu kết thúc giám định và trả hồ sơ cũng do từng cơ quan quy định không có sự hướng dẫn, quy định của cấp có thẩm quyền.

Do khối lượng công việc nhiều lại phụ trách giám định nhiều lĩnh vực nên một số quy trình, hồ sơ giám định được GĐV làm tắt. Ví dụ như lược bỏ bản ảnh giám định trong hồ sơ giám định, hay trong kết luận giám định chưa nêu rõ việc giám định viên hay trợ lý giám định sử dụng phương pháp giám định nào, sử dụng phương tiện ra sao.

Do lực giám định viên tư pháp ít (*14GĐV*), một số GĐV còn kiêm nhiệm công tác khác nên gặp khó khăn khi xử lý khối lượng hồ sơ giám định. Do vậy, dẫn đến việc tồn hồ sơ và trao trả hồ sơ giám định chậm cho cơ quan trung cầu.

Phương tiện kỹ thuật còn hạn chế nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giám định nhất là giám định kỹ thuật tài liệu. Ví dụ trong giám định ấn phẩm in cần có kính hiển vi có độ phóng đại lớn để giám định viên thấy rõ được từng đặc điểm cơ bản nhất của tài liệu. Bên cạnh đó do phương tiện kỹ thuật còn thiếu và chưa có sự hướng dẫn đào tạo cho cán bộ giám định nên có một số lĩnh vực giám định tài liệu phòng KTHS CATP Đà Nẵng chưa giám định được như giám định về chất liệu giấy, giám định về thời điểm viết (*tuổi mực*), hàm lượng các chất ma túy, dấu vết sơn, bụi đất, dấu vết cháy...

Nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giám định tư pháp ở một số lãnh đạo các cấp chưa cao, đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo mang tầm chiến lược về công tác giám định KTHS chưa được chú ý nên không có những hoạch định, xây dựng kế hoạch phát triển tổng thể về con người, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật trong toàn lực lượng KTHS của lực lượng CAND nói chung và CATP Đà Nẵng nói riêng.

Hệ thống lý luận về công tác giám định KTHS chưa hoàn thiện, nhất là

những quy định về giám định KTHS *tiền tố tụng*. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác giám định KTHS.

Chưa xây dựng được quy chế phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan giám định. Các quy định hiện hành còn chung chung đối với từng lực lượng, từng chủ thể tham gia (*người tiến hành tố tụng, người giám định*), thiếu cơ chế kiểm tra giám sát lẫn nhau.

Công tác nghiên cứu khoa học về giám định tư pháp còn yếu, nhất là thiếu những công trình đề tài mang tính ứng dụng cao trong giám định. Công tác đào tạo bồi dưỡng nhất là bồi dưỡng cán bộ làm công tác giám định chưa mang tính chuyên sâu; chưa được quan tâm thường xuyên học tập nâng cao trình độ, giám định viên chưa có đủ điều kiện tham gia các hội thảo chuyên môn cao trong và ngoài nước.

Ngoài ra cơ quan tiến hành tố tụng còn lúng túng, chủ quan thậm chí đôi khi còn tùy tiện trong trung cầu giám định, gây chậm trễ, ách tắc trong nhiều vụ án. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước còn lỏng lẻo; việc xác định nhu cầu giám định của hoạt động tố tụng và đánh giá chất lượng kết luận giám định còn hạn chế; người dân không nhận thức được tầm quan trọng của giám định tư pháp, không biết sử dụng kết luận giám định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng là những thiếu sót, bất cập đáng kể.

## **Kết luận Chương 2**

Từ cơ sở lý luận cơ bản của giám định tư pháp KTHS và pháp y CAND tại Chương 1, trong Chương 2, luận văn đã tập trung nghiên cứu, đánh giá những vấn đề như: khái quát tình hình tội phạm hình sự và các vụ việc được phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành giám định từ năm 2011 đến năm 2015.

Luận văn cũng đã nêu thực trạng hoạt động trung cầu giám định, sử dụng kết luận giám định trong việc giải quyết các vụ án hình sự; những kết luận giám định làm thay đổi cục diện vụ án; hoạt động trung cầu giám định, sử dụng kết luận giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; những khó khăn vướng mắc, tồn tại, nguyên nhân của những vướng mắc tồn tại đó.

Kết quả nghiên cứu những vấn đề trên là cơ sở để trong chương sau luận văn tiếp tục đưa ra dự báo tình hình tội phạm trên địa bàn Thành phố cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác giám định tư pháp cũng như đề ra các giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác công tác giám định tư pháp, trung cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

#### 3.1. Dự báo về tình hình liên quan

Trong những năm gần đây Đà Nẵng có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế, cơ sở hạ tầng; an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao. Tuy nhiên cùng với sự phát triển các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; tội phạm có xu hướng trẻ hóa, có tổ chức chặt chẽ và liều lĩnh hơn, luôn tìm mọi cách đối phó với lực lượng công an, các dấu vết truy nguyên trực tiếp truyền thống như vân tay, vân chân sẽ hạn chế dần, các dấu vết sinh học như máu, nước bọt, lông, tóc, sợi, tội phạm sử dụng công nghệ cao... sẽ phổ biến hơn. Hiện trường các vụ án mạng, cướp, trộm cắp, hiếp dâm, chống người thi hành công vụ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông vẫn còn diễn biến phức tạp; phương thức thủ đoạn tội phạm tinh vi hơn, tội phạm luôn tìm cách xoá dấu vết, đánh lừa cơ quan điều tra ngày càng phổ biến, trong đó có một số loại tội phạm có xu hướng gia tăng như trộm đột nhập, cướp, hiếp dâm, giết người do nguyên nhân xã hội... Đặc biệt, từ năm 2016 nước ta sẽ hội nhập sâu rộng hơn với thế giới, nhất là việc tham gia các cơ chế của Cộng đồng ASEAN, triển khai Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương(TTP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU... sẽ có nhiều tác động ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế và ANTT trên địa bàn thành phố. Mặt khác trên thế giới hiện nay biện pháp điều tra, xét xử dựa theo “*vật chứng*” ngày càng phát huy hiệu quả. Pháp luật tố tụng hoàn thiện hơn, sự tham gia của luật sư từ quá trình điều tra, truy tố, xét xử... Do vậy việc trung cầu giám định ngày càng được quan tâm và coi trọng, vai trò của giám định tư pháp ngày được nâng cao nên đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn và phương tiện kỹ thuật hỗ trợ giám định của lực lượng KTHS.

Giám định tư pháp trong lĩnh vực KTHS và pháp y CAND sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ

cao: Công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông, công nghệ nano, tự động hóa... Cơ sở pháp lý, hệ thống lý luận về giám định ngày càng đồng bộ, thống nhất, cụ thể từng chi tiết; việc giải quyết, tình huống phát sinh trong công tác giám định được quy định chặt chẽ, logic. Đối tượng giám định ngày càng được mở rộng nhiều lĩnh vực hơn và mang tính chuyên sâu; sẽ làm rõ hơn bản chất vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự và các vấn đề liên quan đến hoạt động tổ chức, tiến hành giám định.

Mô hình tổ chức giám định KTHS và pháp y CAND sẽ đồng bộ và hợp lý hơn; cơ sở vật chất, các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng trong giám định từng bước được trang bị đồng bộ, hiện đại hơn giúp công tác giám định triển khai tất cả các chuyên ngành mà luật cho phép nhất là các chuyên ngành giám định mới.

Công tác đào tạo bồi dưỡng giám định viên tư pháp, cán bộ làm công tác giám định được quan tâm hơn; được tham dự nhiều lớp tập huấn chuyên sâu trong và ngoài nước. Vấn đề hội nhập quốc tế sẽ tạo ra cơ hội để công tác giám định tiếp cận với các nền khoa học kỹ thuật trên thế giới.

Kết luận giám định sẽ khoa học, chính xác cao, thể hiện được giá trị chứng cứ khoa học đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, đáp ứng yêu cầu xã hội và đem lại hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ngày 9/12/2014 tại cuộc họp về công tác giám định tư pháp, đồng chí Trương Tấn Sang nguyên chủ tịch nước đã đánh giá: Từ khi triển khai thực hiện Luật giám định tư pháp đến nay nhận thức của các ngành, các cấp ở địa phương về hoạt động giám định tư pháp được nâng cao, hoạt động giám định tư pháp đã phát huy hiệu quả hơn; các tổ chức giám định tư pháp công lập được củng cố kiện toàn; sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan quản lý Nhà nước về công tác giám định tư pháp đi vào nề nếp, từng bước hình thành cơ chế đánh giá kết luận giám định đảm bảo đúng đắn, khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc. Tuy nhiên thực tế công tác giám định vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn.

## **3.2. Các giải pháp**

### **3.2.1. Giải pháp chung**

#### **3.2.1.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp**

Công tác giám định tư pháp nói chung, công tác giám định KTHS nói riêng trong thời gian qua đã luôn được các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và ngành Công an ghi nhận và đánh giá cao về vị trí, vai trò quan trọng trọng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như trong việc giải quyết các vụ án hình sự, hành chính và dân sự. Điều này thể hiện ở việc ban hành Nghị quyết 08, 49 của Bộ chính trị về *cải cách tư pháp*; Đề án 258 của Thủ tướng Chính phủ về *đổi mới và nâng cao hoạt động giám định tư pháp*, đặc biệt là Luật giám định tư pháp năm 2012, tư tưởng xuyên suốt trong các quy định của Luật là tôn vinh hoạt động giám định và người làm công tác giám định. Không phải ngẫu nhiên mà Chính phủ ban hành Quyết định 74 và hiện nay là Quyết định 01/2014/Ttg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, điều này thể hiện sự ghi nhận vai trò vị trí của hoạt động giám định tư pháp trong tổ tụng và trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên trong thực tế vẫn còn tình trạng đôi lúc, đôi nơi nhận thức chưa thật đúng đắn về vị trí vai trò công tác giám định tư pháp. Thể hiện ở chỗ hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng còn một số bộ phận chưa thực sự quan tâm, coi trọng đến công tác giám định, đánh giá và sử dụng kết luận giám định là nguồn chứng cứ khoa học để giải quyết vụ việc hoặc có quan tâm thì chỉ khi kết luận giám định là chứng cứ duy nhất để giải quyết vụ án.

Vì vậy trong thời gian tới, để nâng cao nhận thức của các cấp các ngành, cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng về vai trò, vị trí của công tác giám định tư pháp trong hoạt động điều tra, kết quả công tác giám định trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can, trong truy tố, xét xử các vụ án hình sự, theo tôi:

Cần tổ chức quán triệt về sự cần thiết của hoạt động trung cầu giám định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; về tầm quan trọng của kết quả giám định trong công tác điều tra, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, định tội danh, định khung hình phạt để cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng nhận thức đúng đắn hơn về vai trò của công tác giám định và coi trọng sử dụng biện pháp nghiệp vụ này trong hoạt động tố tụng.

Qua nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác giám định KTHS và pháp y CAND, đề xuất bổ sung quy định sau:

Bổ sung việc giám định có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự vào nội dung điều luật quy định về “*Việc tiến hành giám định*” của Bộ luật TTHS (tại Điều 156 – BLTTHS năm 2003 và Điều 209 BLTTHS năm 2015) vì nhiều trường hợp cần dựa vào kết luận giám định, các cơ quan tiến hành tố tụng mới có căn cứ để khởi tố vụ án, khởi tố bị can như: chất độc, ma túy, tiền giả, tài liệu giả... Quy định như vậy sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng kết luận giám định “*tiền tố tụng*” làm căn cứ khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, có như vậy điều luật mới sát với thực tiễn.

#### *3.2.1.2. Đảm bảo các mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan giám định KTHS với các cơ quan trung cầu giám định*

Để hoạt động giám định KTHS được tiến hành đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả thì cần có những điều kiện cần thiết nhất định, một trong những điều kiện quan trọng đó là phải thiết lập được mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan giám định KTHS với các cơ quan trung cầu giám định. Trên thực tế kết luận giám định chịu ảnh hưởng lớn của mối quan hệ phối hợp này; nếu quan hệ phối hợp càng chặt chẽ, thì kết quả giám định KTHS càng nhanh chóng và đạt hiệu quả cao và ngược lại.

Trong mối quan hệ này, cơ quan trung cầu giám định là cơ quan đặt hàng đối với cơ quan giám định KTHS và làm nảy sinh hoạt động giám định, đồng thời xuất phát từ nhu cầu giám định mà giữa cơ quan giám định KTHS và cơ quan trung cầu nảy sinh mối quan hệ phối hợp. Đây là mối quan hệ mang tính tất yếu khách quan giữa cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra Quyết định trung cầu giám định và cơ quan thực hiện giám định, đồng thời đây cũng là mối quan hệ có tính song trùng và trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt mối quan hệ này sẽ góp phần quan trọng cho hoạt động điều tra tội phạm đạt hiệu quả cao, tránh oan sai trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thực tế trong thời gian qua, mối quan hệ giữa cơ quan KTHS và cơ quan tiến hành tố tụng đã góp phần không nhỏ vào hoạt động giám định KTHS và kết quả giám định KTHS đã phục vụ đắc lực cho công tác điều tra xử lý tội phạm. Tuy nhiên bên cạnh kết quả đạt được còn bộc lộ những hạn chế, thể hiện trong việc trao

đổi những thông tin cần thiết phục vụ các bước tiến hành giám định; trong hồ trợ viết trung cầu giám định và yêu cầu giám định đúng quy định và phù hợp; trong hướng dẫn thu mẫu so sánh phù hợp đảm bảo số lượng và chất lượng... đã gây ra những khó khăn cho quá trình giám định và ảnh hưởng tới kết quả giám định. Để đảm bảo và thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp này cần chú ý một số vấn đề sau:

-Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan giám định KTHS và các cơ quan trung cầu; đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức khám nghiệm hiện trường thu thập, bảo quản dấu vết (*mẫu vật cần giám định, thu mẫu so sánh*), kỹ năng ra quyết định trung cầu giám định cho lực lượng điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán.

Trong từng vụ việc cụ thể, giữa cơ quan trung cầu và cơ quan giám định cần thực hiện tốt trao đổi thông tin hai chiều về vụ việc cụ thể, chi tiết về đối tượng giám định, mẫu so sánh... để làm cơ sở lựa chọn phương pháp và cách thức giám định phù hợp, hiệu quả nhất. Đồng thời cơ quan giám định cần soạn thảo văn bản yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp những thông tin cần thiết phục vụ công tác giám định, đưa ra những hướng dẫn cụ thể cho việc thu lượm, bảo quản đối tượng cần giám định, mẫu so sánh đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng, đúng yêu cầu của pháp luật để đủ yếu tố tiến hành giám định.

-Xây dựng quy chế (*cơ chế, nội dung, chế tài*) phối hợp cụ thể, chặt chẽ giữa cơ quan trung cầu giám định và cơ quan giám định KTHS trong hoạt động giám định tư pháp để giải quyết các vụ án hình sự.

Muốn sử dụng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng khi tham gia quan hệ phối hợp thì yêu cầu đặt ra là phải làm sao tạo dựng được cơ chế phối hợp cụ thể, chặt chẽ nhằm phát huy sức mạnh tối đa của từng lực lượng, đồng thời đảm bảo tính chủ động giữa các bên tham gia. Để làm được như vậy cơ quan giám định cần chủ trì, phối hợp với các cơ quan trung cầu giám định và các đơn vị liên quan như Sở tư pháp, UBND... nghiên cứu, tham mưu, đề xuất lãnh đạo các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về cơ chế, nội dung quan hệ phối hợp giữa cơ quan trung cầu và cơ quan giám định. Cơ chế, nội dung phối hợp cần xây dựng chặt chẽ từ khâu chuẩn bị, tiến hành giám định và kết thúc giám định; đặc biệt cần phải có quy

định thông tin phản hồi của cơ quan trung cầu về việc khai thác, sử dụng và đánh giá vai trò của kết luận giám định đối với từng vụ việc cụ thể được trung cầu đối với cơ quan giám định. Định kỳ tổ chức tổng kết, kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện mối quan hệ phối hợp theo quy chế đã ban hành.

Ngoài ra một số vướng mắc khi trung cầu giám định lại, giám định bổ sung cần phải cụ thể như sau: Khi trung cầu giám định lại bắt buộc cơ quan trung cầu phải ra quyết định trung cầu giám định lại, nêu rõ lý do và gửi toàn bộ mẫu vật đã được giám định lần đầu cho cơ quan giám định. Ví dụ khi một hồ sơ vụ án chuyển sang Tòa án, nếu xét cần thiết cho việc xét xử, hoặc nghi ngờ kết luận giám định thì Tòa án phải chuyển toàn bộ hồ sơ đã giám định lần đầu cho cơ quan giám định. Nơi gửi trung cầu giám định lại có thể là cơ quan đã giám định lần đầu cũng có thể là cơ quan khác. Tại thành phố Đà Nẵng có thể trung cầu phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng hoặc ngược lại. Tuy nhiên việc trung cầu giám định lại tại cơ quan giám định lần đầu, nhất thiết người tiến hành giám định lại không phải là người giám định lần đầu, đây là điều kiện bắt buộc để đảm bảo tính khách quan trong giám định.

Nội dung kết luận giám định bổ sung, giám định lại cũng là một tài liệu pháp lý quan trọng phục vụ cho công tác điều tra truy tố, xét xử. Vì vậy nội dung của kết luận giám định bổ sung, giám định lại cũng phải đầy đủ, chặt chẽ và được tiến hành giám định đúng quy trình, quy định của pháp luật. Kết luận giám định lại có thể đồng nhất hoặc không đồng nhất với kết luận giám định lần đầu. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn cùng một vấn đề cần giám định, vậy kết luận giám định lại lần hai phải do Hội đồng giám định thực hiện. Hội đồng giám định do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập. Hội đồng giám định gồm ít nhất có 3 thành viên là người có trình độ chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Khi đã thực hiện giám định lại lần hai rồi thì không thực hiện giám định lại nữa, trừ trường hợp đặc biệt do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định. Do pháp luật quy định chặt chẽ thời hạn điều tra, thời gian được phép áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam...cho nên để việc ra kết luận sớm đối với cơ

quan trọng cầu là cần thiết.

Việc thành lập Hội đồng giám định vẫn còn nhiều bất cập, thời gian thành lập có thể từ 2 đến 3 tháng. Vấn đề này hy vọng sẽ được khắc phục trong thời gian tới để không làm ảnh hưởng đến hoạt động tổ tụng của cơ quan trung cầu.

### **3.2.2. Giải pháp cụ thể**

*3.2.2.1. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ giám định viên; đổi mới chế độ chính sách, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ giám định*

Nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử; Đảng, Nhà nước và ngành Công an luôn coi trọng và rất chú trọng trong việc xây dựng hệ thống, cơ cấu tổ chức cán bộ phù hợp cho lực lượng giám định KTHS. Hiện nay, trên toàn thành phố Đà Nẵng có 44 giám định viên tư pháp, trong đó phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng là 22 biên chế, có 14 giám định viên thực hiện 8/10 lĩnh vực giám định, trong đó 9 GĐV thực hiện 2 lĩnh vực giám định, so với thực tế công việc thì mỗi GĐV thực hiện 1,4 yêu cầu giám định/1 ngày làm việc. Như vậy là một khối lượng công việc rất lớn đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của GĐV để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan trung cầu. Bên cạnh đó, một số lĩnh vực giám định chưa được triển khai như: giám định hóa học(*son, dầu, bụi, đất, độc chất...*), sự cố kỹ thuật, cháy nổ và AND.

*Phương tiện trang bị:* Phòng KTHS được Viện KHHS, UBND và Công an thành phố Đà Nẵng trang bị một số phương tiện kỹ thuật chuyên dùng trong công tác giám định như: Doculad 2400, VSC 6000, kính hiển vi soi nổi SMZ1000, kính hiển vi so sánh Leize, máy Sắc ký khí Thermo Finnigan, máy Quang phổ hồng ngoại Thermo Nicolet 6700, kính hiển vi sinh vật Nikon 762012; các loại hóa chất, mẫu thử dùng để giám định ma túy, giám định sinh học; máy ảnh KTS; bộ đồ mổ pháp y; các loại đèn và một số phương tiện nghiệp vụ khác.

*Cơ sở vật chất:* Trụ sở làm việc được bố trí tương đương 400m<sup>2</sup>, thuận lợi cho việc triển khai các bộ phận công tác, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và có dự phòng triển khai các lĩnh vực giám định mới.

#### *3.2.2.2. Kiện toàn cơ cấu tổ chức*

Cần chủ động phối hợp với các Sở ban ngành nghiên cứu, xây dựng chiến

lược phát triển lực lượng giám định viên KTHS; đưa ra các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho lực lượng KTHS, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao; xây dựng phương án báo cáo Giám đốc CATP về biên chế và có định hướng phát triển theo lộ trình hàng năm cho phù hợp; đồng thời bồi dưỡng cán bộ giám định thành giám định viên tư pháp cho các chuyên ngành giám định đang thiếu hoặc thay thế GĐV sắp nghỉ hưu. Theo lộ trình phát triển thì đến năm 2020 cần có 20 – 25 giám định viên tư pháp KTHS và pháp y, triển khai 10/10 lĩnh vực giám định phục vụ yêu cầu hoạt động tổ tụng tại thành phố Đà Nẵng.

Đội ngũ cán bộ giám định và GĐV tư pháp cần thể hiện sự chuyên nghiệp hơn, tận tụy hơn trong việc thực hiện hoạt động chuyên môn, có khả năng đưa ra những kết luận giám định chính xác, đảm bảo thời hạn hoặc sớm hơn thời hạn quy định giúp cho hoạt động tố tụng được thực hiện hiệu quả, nhanh chóng, chính xác. Từ đó sẽ tạo ra sự tự chuyển biến và nâng cao nhận thức của cơ quan trung cầu, người trung cầu về vị trí, vai trò quan trọng của hoạt động giám định tư pháp.

#### *3.2.2.3. Thực hiện nghiêm túc quy trình giám định trong quá trình giám định KTHS*

Trong quá trình giám định, việc thực hiện trình tự các bước, các nội dung tiến hành giám định theo đúng quy trình là rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc đưa ra kết luận giám định chính xác. Hiện nay Bộ công an đã ban hành 38 quy trình giám định thuộc các chuyên ngành cụ thể của các lĩnh vực giám định KTHS thể hiện: Thông tư số 52/2011/TT – BCA, ngày 20/7/2011, Thông tư số 46/2013/TT – BCA, ngày 5/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực an ninh thuộc Bộ công an và Thông tư số 51/2015/TT-BCA, ngày 13/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực an ninh đối với các quy trình giám định tư pháp trong CAND. Các quy trình này đã được nghiên cứu và đúc kết từ thực tiễn công tác giám định nên cơ bản đảm bảo phù hợp với thực tiễn. Đây chính là những quy chuẩn về chuyên môn trong từng lĩnh vực giám định KTHS.

#### *3.2.2.4. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn*

Hiện nay số lượng trung cầu, yêu cầu giám định ngày càng tăng, các đối tượng sử dụng các thành tựu khoa học công nghệ để che dấu hành vi tội phạm ngày càng nhiều; trong lúc đó Bộ Luật hình sự, Bộ luật TTHS năm 2015 sắp có hiệu lực, đã quy định quyền im lặng của bị can, bị cáo; càng đề cao xu hướng điều tra, truy tố, xét xử phải dựa trên vật chứng, chứng cứ khoa học. Tuy nhiên với tình trạng kiến thức và phương tiện kỹ thuật như hiện nay thì khó mà đáp ứng được yêu cầu của hoạt động tố tụng. Vì vậy việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ GĐV tư pháp là rất cần thiết; đồng thời tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có ý nghĩa nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám định. Khi cán bộ có trình độ chuyên môn cao thì sẽ phát hiện được các thủ đoạn tội phạm mới, hạn chế được những tồn tại trong công tác giám định hiện nay.

Hoạt động nghiên cứu khoa học về giám định KTHS hiện nay mới chỉ có ở Viện khoa học hình sự - BCA, Học viện CSND và Đại học CSND nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn; phòng KTHS ở công an cấp tỉnh thì không có điều kiện để nghiên cứu. Bên cạnh đó, những vấn đề rút ra được từ thực tiễn công tác giám định nếu được tổng kết rút kinh nghiệm sẽ đảm bảo giải quyết được những vướng mắc mà thực tiễn công tác giám định có thể gặp phải.

#### *3.2.2.5. Về chế độ chính sách, đầu tư trang thiết bị chuyên dùng*

Xây dựng cơ chế chính sách, đãi ngộ phù hợp với cán bộ giám định, GĐV tư pháp là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Công tác giám định là lĩnh vực hoạt động khoa học, GĐV phải đầu tư nhiều về thời gian, công sức, chất xám cho công việc; thường xuyên phải làm việc ngoài giờ, phải thường xuyên tiếp xúc với máy móc, hóa chất, các tia hồng ngoại, tử ngoại, tử thi thối rửa... rất hại cho sức khỏe; trong lúc trách nhiệm của GĐV trên phương diện pháp lý rất cao, không cho phép bất kỳ sai sót nào. Tuy nhiên, hiện nay chế độ đãi ngộ đối với cán bộ giám định, GĐV chưa hợp lý, chưa đủ kích thích, động viên nên đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác giám định.

Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dụng hỗ trợ giám định, thực tế cho thấy, để giám định hiệu quả không những đòi hỏi cán bộ giám định phải có kiến thức, trình độ chuyên môn sâu, có năng lực khoa học thực sự mà còn phải có cơ sở

vật chất, phương tiện kỹ thuật đầy đủ, hiện đại phù hợp. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhiều lĩnh vực công nghệ mới ra đời và tội phạm không ngừng lợi dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào việc thực hiện tội phạm nhất là công nghệ in ấn, kỹ thuật tài liệu, tội phạm công nghệ cao.... Do đó việc đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra kết luận giám định chính xác. Thực tế cho thấy, trong nhiều lĩnh vực giám định, nếu không có phương tiện giám định hiện đại thì không thể tiến hành giám định và đưa ra kết luận giám định chính xác được nhất là giám định AND, giám định hóa học, giám định âm thanh, giám định kỹ thuật số và điện tử...

Với phương tiện được trang cấp như hiện nay thì phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng chỉ tiến hành giám định 8/10 lĩnh vực giám định, chủ yếu là giám định các lĩnh vực truyền thống. Vì vậy trong thời gian tới, cần tăng cường cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ và hiện đại hóa các phương tiện giám định cho lực lượng KTHS như Máy sắc khí khí GS - MS để thực hiện các giám định hóa học, Labo xét nghiệm vi thể...

#### *3.2.2.6. Đẩy mạnh, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học hình sự nói chung, giám định KTHS nói riêng*

Trong thời đại ngày nay, hội nhập, hợp tác quốc tế luôn được các quốc gia quan tâm và đó là nhu cầu tất yếu để phát triển kinh tế; chia sẻ các kinh nghiệm trong hoạt động tố tụng nhất là các nước có hệ thống pháp luật bán tranh tụng như Việt Nam. Bởi vậy cần cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn ngày ở nước ngoài cũng như chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, xác định thế mạnh về khoa học công nghệ trong lĩnh vực KTHS của các nước để tận dụng khai thác và ứng dụng có hiệu quả, kỹ thuật công nghệ mới vào giám định tư pháp.

Có thể khẳng định, khi giám định tư pháp KTHS có được nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến, phương tiện giám định, cơ sở vật chất hiện đại, cán bộ giám định có năng lực, có điều kiện phát huy được hiệu quả chuyên môn thì chất lượng công tác giám định KTHS được nâng cao, từ đó khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong công tác phòng chống tội phạm.

### **Kết luận Chương 3**

Từ đặc điểm tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội liên quan đến hoạt động giám định tư pháp; hoạt động thực tiễn của phòng KTHS CATP Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2011 đến 2015 đối với việc giải quyết, xử lý các vụ án hình sự. Nêu hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan đến hoạt động trung cầu giám định, đánh giá sử dụng kết luận giám định, những tồn tại vướng mắc của công tác giám định tư pháp về: Quyết định trung cầu giám định, công tác phát hiện, thu lượm, xử lý và bảo quản dấu vết phục vụ công tác trung cầu giám định, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ giám định, năng lực giám định viên... Chương 3 đã đưa ra các dự báo tình hình liên quan đến công tác giám định tư pháp trong thời gian sắp tới.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan giám định và các yêu cầu của hoạt động tố tụng, luận văn đã đưa ra các giải pháp như : nâng cao nhận thức về vị trí vai trò của công tác giám định tư pháp; cách thức đảm bảo các mối quan hệ giữa cơ quan giám định và các cơ quan trung cầu giám định; nâng cao năng lực giám định viên, chất lượng kết luận giám định tư pháp, hiệu quả sử dụng giám định tư pháp trong tố tụng hình sự, đề xuất các trang bị phương tiện kỹ thuật chuyên dùng trong giám định... để đảm bảo kết luận giám định mang tính khoa học, chính xác phục vụ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

## KẾT LUẬN

Giám định KTHS có vị trí, vai trò quan trọng trong điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Trung bình mỗi năm phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành hơn 4600 yêu cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xu hướng ngày càng tăng. Kết quả giám định đã góp phần tích cực vào hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Tuy nhiên công tác giám định tư pháp của lực lượng KTHS còn bộc lộ nhiều hạn chế; công tác thu lượm dấu vết phục vụ trung cầu giám định còn nhiều bất cập; đánh giá và sử dụng kết luận trong giải quyết các vụ án hình sự chưa đạt yêu cầu cao. Xuất phát từ thực tiễn công tác giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng tại thành phố Đà Nẵng và nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác này, tác giả đã lựa chọn đề tài: “*Giám định tư pháp hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” làm luận văn thạc sỹ luật học. Quá trình nghiên cứu Luận văn cho phép rút ra những kết luận sau:

1. Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý luận khoa học điều tra hình sự và những khoa học có liên quan, nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về hoạt động giám định tư pháp, hoạt động phát hiện, thu lượm, bảo quản dấu vết phục vụ trung cầu giám định. Và trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu trước, luận văn đã tìm tòi xây dựng hệ thống lý luận cơ bản về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp trong tố tụng hình sự ở Việt Nam.

Luận văn nghiên cứu những quy định pháp luật về hoạt động giám định tư pháp trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Bộ luật hình sự năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật TTHS năm 2015, Luật giám định tư pháp năm 2012 và các văn bản liên quan đến công tác giám định; nêu quy trình, thủ tục bổ nhiệm GĐV, quy trình giám định, phương tiện hiện đại chuyên dùng trong giám định... để khẳng định kết luận giám định là nguồn chứng cứ mang tính khoa học và chính xác cao.

2. Qua khảo sát thực tế, trao đổi, toạ đàm với nhiều cán bộ làm công tác thực tiễn ở địa phương; nghiên cứu, phân tích các báo cáo tổng kết; nghiên cứu 150 bản Kết luận giám định ở các lĩnh vực được tiến hành giám định tại thành phố Đà Nẵng,

tác giả đã khái quát được tình hình hoạt động giám định KTHS ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ 2011 đến 2015; phân tích làm rõ thực trạng tổ chức lực lượng, trang bị phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động giám định KTHS của phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng; thực trạng quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động phát hiện, thu lượm, bảo quản dấu vết phục vụ công tác trung cầu giám định; việc sử dụng kết luận giám định trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

3. Tác giả đã nhận xét, đánh giá về những ưu điểm, kết quả đã đạt được, những hạn chế, thiếu sót cần khắc phục, tìm ra những nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót từ hoạt động hoạt động giám định tư pháp trong tổ tụng hình sự từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng.

4. Luận văn trình bày những dự báo về tình hình liên quan và các yếu tố tác động đến công tác giám định; phân tích những khó khăn, thuận lợi trong thời gian tới.

5. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn hoạt động giám định của cơ quan tiến hành giám định, cơ quan trung cầu giám định, luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng lực GDV tư pháp; công tác trung cầu giám định, việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Trong thời gian thực hiện luận văn, tác giả đã nỗ lực nghiên cứu nghiêm túc, khoa học. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định về thời gian cũng như khả năng nhận thức của học viên, luận văn không thể tránh được những thiếu sót. Tác giả luận văn rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy, cô giáo và đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 10 quy trình giám định KTHS và pháp y CAND ban hành kèm theo Thông tư số 51/2015/TT – BCA, ngày 13/10/2015 của Bộ trưởng Bộ công an.
2. 20 quy trình giám định KTHS và pháp y CAND ban hành kèm theo Thông tư số 46/2013/TT – BCA, ngày 5/11/2013 của Bộ trưởng Bộ công an.
3. 38 quy trình giám định KTHS và pháp y CAND ban hành kèm theo Thông tư số 52/2011/TT – BCA, ngày 20/7/2011 của Bộ trưởng Bộ công an.
4. Bùi Quang Anh (2016), *Giám định kỹ thuật hình sự trong điều tra tội phạm của lực lượng CSND*, Luận án tiến sỹ luật học.
5. Bộ luật hình sự năm 2003 và năm 2015
6. Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003 và năm 2015
7. Bộ tư pháp, Báo cáo tổng thuật về giám định tư pháp của Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Vương quốc Thụy Điển, Nhật Bản, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và một số nước khác.
8. Hà Kiều Diễm (2010), *Vai trò của giám định pháp y đối với hoạt động điều tra vụ án hình sự*, Luận văn cử nhân.
9. Ngô Minh Dũng (2014), *Giám định truy nguyên đồng nhất người nói*, Tạp chí Khoa học công nghệ và môi trường Công an(số 15(36)10/2014.
- 10.Đề án 258/QĐ – Ttg về việc phê duyệt Đề án Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp của Thủ tướng Chính phủ.
11. Bùi Văn Hiến(2010), *Giám định dấu vết hình sự trong các vụ TNGT đường bộ trên địa bàn tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sỹ luật học.
12. Học Viện An ninh nhân dân (2010), *Giáo trình kỹ thuật hình sự (tập I, tập II)*, Hà Nội.
13. Học viện Cảnh sát nhân dân (2001), *Dấu vết hình sự*.
14. Học Viện Cảnh sát nhân dân (2010), *Lý luận chung về kỹ thuật hình sự, chiến thuật và phương pháp điều tra hình sự*, Hà Nội.
15. Lê Quốc Huy (2011), *Một số vấn đề về phương pháp phán đoán trong phát hiện dấu vết hình sự tại hiện trường*, Tạp chí Cảnh sát nhân dân (3), Tr.28-31.

16. Lê Quốc Huy (2012), *Nghiên cứu dấu vết sinh vật trong hoạt động điều tra tội phạm*, Luận án tiến sĩ luật học.
17. Nguyễn Thị Loan (2014) *giám định tư pháp trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học.
18. Luật Giám định tư pháp năm 2012
19. Trần Trọng Lượng (2012), *Xây dựng lực lượng kỹ thuật hình sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Tạp chí Cảnh sát PCTP (Số 27(174)/8/2012).
20. Dương Văn Minh (2014), *Giám định tư pháp trong công an nhân dân*, sách chuyên khảo.
21. Nghị định số 85/2013/NĐ – CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.
22. Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, *Báo cáo tổng kết tình hình công tác Kỹ thuật hình sự năm 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015*.
23. Ngô Tiến Quý, Ngô Tiến Khải (2010), *Phát hiện, thu, bảo quản và giám định dấu vết đường vân*, NXB Công an nhân dân.
24. Thông tư số 04/2013/TT – BVHTTDL ngày 3/5/2013 của Bộ văn hóa thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp và thành lập hội đồng giám định trong lĩnh vực văn hóa.
25. Thông tư số 07/2014/TT – BVHTTDL ngày 23/7/2014 của Bộ văn hóa thể thao và Du lịch quy định hồ sơ các mẫu văn bản thực hiện giám định tư pháp; áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của văn phòng giám định tư pháp về di vật, cổ vật, quyền tác giả, quyền liên quan.
26. Thông tư số 138/2013/TT – BTC ngày 19/10/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 85/2013/NĐ – CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.
27. *Từ điển bách khoa CAND* (2012), Nhà xuất bản CAND.

28. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2009), Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
29. Trung tâm từ điển học (2015), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
30. Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Quang Phương, Ngô Ngọc Thủy, Phạm Văn Tĩnh, *Tội phạm học, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
31. Viện KHHS, *Báo cáo tổng kết công tác Kỹ thuật hình sự 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015*.
32. Website Bộ tư pháp: <http://Botuphap.vn/>

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### BẢNG CHI TIẾT % TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH

(số liệu tính từ 2011 - 2015)

| Loại GD                          | Số yêu cầu | Tỷ lệ % |
|----------------------------------|------------|---------|
| GD dấu vết đường vân             | 8256       | 31.71   |
| GD dấu vết cơ học                | 75         | 0.29    |
| GD dấu vết súng đạn              | 44         | 0.17    |
| GD chữ viết, chữ ký              | 4557       | 17.50   |
| GD kỹ thuật tài liệu             | 2004       | 7.70    |
| GD ký tự đóng chìm trên kim loại | 8462       | 32.50   |
| GD âm thanh(đọc nội dung ghi âm) | 13         | 0.05    |
| GD dấu vết sinh học(dấu vết máu) | 11         | 0.04    |
| GD ma túy và tiền chất ma túy    | 2397       | 9.21    |
| GD pháp y tử thi                 | 213        | 0.82    |
| GD các loại khác                 | 7          | 0.03    |

**Phụ lục 2**

**PHỤ LỤC CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH NĂM 2011**

Từ ngày 16/11/2010 đến ngày 16/11/ 2011 của lực lượng KTHS

| SỐ<br>TT    | LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH |                               | SỐ LƯỢNG   |             | CƠ QUAN TRƯNG CẦU<br>GIÁM ĐỊNH |            |           |            | CƠ QUAN<br>GIÁM ĐỊNH |             |            | KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH |             |             |             | Khước<br>từ |
|-------------|--------------------|-------------------------------|------------|-------------|--------------------------------|------------|-----------|------------|----------------------|-------------|------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|             |                    |                               | VỤ         | YÊU<br>CẦU  | CẢNH<br>SÁT                    | AN<br>NINH | TOÀ<br>ÁN | CQ<br>KHÁC | C54                  | PC54        | CQ<br>KHÁC | XÁC<br>ĐỊNH       | LOẠI<br>TRỪ | XÁC<br>ĐỊNH | LOẠI<br>TRỪ |             |
| 1           | Dấu vết đường vân  |                               | 40         | 1979        | 1513                           | 383        | 2         | 81         |                      | 1979        |            | 78                | 1711        |             |             |             |
| 2           | Tài liệu           | Chữ viết, chữ ký              | 37         | 613         | 584                            | 1          | 28        |            |                      | 613         |            | 241               | 30          |             |             |             |
|             |                    | Kỹ thuật tài liệu khác        | 31         | 488         | 206                            | 279        |           | 3          |                      | 488         |            | 179               | 8           | 290         | 11          |             |
| 3           | Kỹ thuật           | Ký tự đóng chìm trên vật liệu | 34         | 1788        | 1788                           |            |           |            |                      | 1788        |            | 77                | 1705        |             |             |             |
|             |                    | DV trong các vụ TNGT          |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | DV công cụ                    |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | DV trên đầu vỏ đạn            |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | Tiền VNĐ                      |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | Các loại khác                 |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
| 4           | Hoá học            | Ma túy, tiền chất MT          | 74         | 438         | 396                            |            |           | 42         |                      | 438         |            | 435               | 3           |             |             |             |
| <b>Tổng</b> |                    |                               | <b>216</b> | <b>5306</b> | <b>4487</b>                    | <b>663</b> | <b>30</b> | <b>126</b> |                      | <b>5306</b> |            | <b>1010</b>       | <b>3457</b> | <b>290</b>  | <b>11</b>   | <b>0</b>    |

### Phụ lục 3

#### PHỤ LỤC CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH NĂM 2012

Từ ngày 16/11/2011 đến ngày 16/11/ 2012 của lực lượng KTHS

| SỐ TT | LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH |                               | SỐ LƯỢNG |         | CƠ QUAN TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH |         |        |         | CƠ QUAN GIÁM ĐỊNH |      |         | KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH |          |          |          | Khước từ |
|-------|--------------------|-------------------------------|----------|---------|-----------------------------|---------|--------|---------|-------------------|------|---------|-------------------|----------|----------|----------|----------|
|       |                    |                               |          |         |                             |         |        |         |                   |      |         | KHẲNG ĐỊNH        |          | KHẢ NĂNG |          |          |
|       |                    |                               | VỤ       | YÊU CẦU | CẢNH SÁT                    | AN NINH | TOÀ ÁN | CQ KHÁC | C54               | PC54 | CQ KHÁC | XÁC ĐỊNH          | LOẠI TRỪ | XÁC ĐỊNH | LOẠI TRỪ |          |
| 1     | Dấu vết đường vân  |                               | 37       | 2042    | 1543                        | 416     | 2      | 81      |                   | 2042 |         | 78                | 1771     |          | 190      |          |
| 2     | Tài liệu           | Chữ viết, chữ ký              | 41       | 641     | 603                         | 1       | 37     |         |                   | 641  |         | 594               | 47       |          |          |          |
|       |                    | Kỹ thuật tài liệu khác        | 33       | 501     | 219                         | 279     |        | 3       |                   | 501  |         | 191               | 8        | 290      | 12       |          |
| 3     | Kỹ thuật           | Ký tự đóng chìm trên vật liệu | 35       | 1790    | 1790                        |         |        |         |                   | 1790 |         | 77                | 1705     |          | 8        |          |
| 4     | Hoá học            | Ma túy, tiền chất MT          | 83       | 493     | 451                         |         |        | 42      |                   | 493  |         | 488               | 5        |          |          |          |
| Tổng  |                    |                               | 229      | 5467    | 4606                        | 696     | 39     | 126     |                   | 5467 |         | 1428              | 3536     | 290      | 210      | 0        |

## Phụ lục 4

### PHỤ LỤC CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH NĂM 2013

Từ ngày 16/11/2012 đến ngày 16/11/ 2013 của lực lượng KTHS

| SỐ<br>TT | LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH |                                  | SỐ<br>LƯỢNG |            | CƠ QUAN TRƯNG CẦU<br>GIÁM ĐỊNH |            |           |            | CƠ QUAN<br>GIÁM ĐỊNH |      |            | KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH |             |             |             |             |      |
|----------|--------------------|----------------------------------|-------------|------------|--------------------------------|------------|-----------|------------|----------------------|------|------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------|
|          |                    |                                  |             |            |                                |            |           |            |                      |      |            | KHẢNH<br>ĐỊNH     |             | KHẢ NĂNG    |             | Khước<br>từ |      |
|          |                    |                                  | VỤ          | YÊU<br>CẦU | CẢNH<br>SÁT                    | AN<br>NINH | TOÀ<br>ÁN | CQ<br>KHÁC | C54                  | PC54 | CQ<br>KHÁC | XÁC<br>ĐỊNH       | LOẠI<br>TRỪ | XÁC<br>ĐỊNH | LOẠI<br>TRỪ |             |      |
| 1        | Dấu vết đường vân  |                                  | 34          | 1208       | 1208                           |            |           |            |                      | 1208 |            | 16                | 1184        |             |             |             | 1208 |
| 2        | Tài<br>liệu        | Chữ viết, chữ ký                 | 52          | 1860       | 1693                           |            | 167       |            |                      | 1860 |            | 767               | 1093        |             |             |             | 1860 |
|          |                    | Kỹ thuật tài liệu khác           | 49          | 341        | 281                            | 54         |           | 6          |                      | 341  |            | 341               |             |             |             |             | 341  |
| 3        | Kỹ<br>thuật        | Ký tự đóng chìm trên vật<br>liệu | 19          | 1132       | 1132                           |            |           |            |                      | 1132 |            | 23                | 1109        |             |             |             | 1132 |
|          |                    | DV trong các vụ TNGT             | 1           | 2          | 2                              |            |           |            |                      | 2    |            |                   |             |             |             | 2           | 2    |
|          |                    | DV công cụ                       | 2           | 19         | 19                             |            |           |            |                      | 19   |            | 19                |             |             |             |             | 19   |
|          |                    | DV trên đầu vỏ đạn               | 2           | 3          |                                |            |           | 3          |                      | 3    |            | 3                 |             |             |             |             | 3    |
|          |                    | Tiền VNĐ                         | 2           | 22         |                                | 22         |           |            |                      | 22   |            | 22                |             |             |             |             | 22   |
|          |                    | Các loại khác                    | 1           | 1          | 1                              |            |           |            |                      | 1    |            |                   |             |             |             |             | 1    |
| 4        | Hoá<br>học         | Ma túy, tiền chất MT             | 119         | 505        | 452                            |            |           | 53         |                      | 505  |            | 501               | 4           |             |             |             | 505  |
| Tổng     |                    |                                  | 281         | 5093       | 4788                           | 76         | 167       | 62         |                      | 5093 |            | 1692              | 3390        | 0           | 0           | 2           | 5093 |

**Phụ lục 5**

**PHỤ LỤC CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH NĂM 2014**

Từ ngày 16/11/2013 đến ngày 16/11/2014 của lực lượng KTHS

| SỐ<br>TT | LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH |                               | SỐ LƯỢNG |            | CƠ QUAN TRƯNG CẦU<br>GIÁM ĐỊNH |            |           |            | CƠ QUAN<br>GIÁM ĐỊNH |      |            | KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH |             |             |             | Khước từ |
|----------|--------------------|-------------------------------|----------|------------|--------------------------------|------------|-----------|------------|----------------------|------|------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|----------|
|          |                    |                               |          |            |                                |            |           |            |                      |      |            | KHẲNG ĐỊNH        |             | KHẢ NĂNG    |             |          |
|          |                    |                               | VỤ       | YÊU<br>CẦU | CẢNH<br>SÁT                    | AN<br>NINH | TOÀ<br>ÁN | CQ<br>KHÁC | C54                  | PC54 | CQ<br>KHÁC | XÁC<br>ĐỊNH       | LOẠI<br>TRỪ | XÁC<br>ĐỊNH | LOẠI<br>TRỪ |          |
| 1        | Dấu vết đường vân  |                               | 46       | 1322       | 1191                           | 126        | 4         | 1          |                      | 1322 |            | 15                | 1307        |             |             |          |
| 2        | Tài liệu           | Chữ viết, chữ ký              | 42       | 425        | 300                            |            | 107       | 18         |                      | 425  |            | 258               | 167         |             |             |          |
|          |                    | Kỹ thuật tài liệu khác        | 41       | 306        | 299                            |            | 5         | 2          |                      | 306  |            | 281               | 25          |             |             |          |
| 3        | Kỹ thuật           | Ký tự đóng chìm trên vật liệu | 29       | 2140       | 2140                           |            |           |            |                      | 2140 |            | 48                | 2092        |             |             |          |
|          |                    | DV trong các vụ TNGT          | 10       | 18         | 18                             |            |           |            |                      | 18   |            | 18                |             |             |             |          |
|          |                    | DV công cụ                    | 1        | 1          | 1                              |            |           |            |                      | 1    |            | 1                 |             |             |             |          |
|          |                    | DV trên đầu vỏ đạn            | 2        | 8          | 8                              |            |           |            |                      | 8    |            | 8                 |             |             |             |          |
|          |                    | Tiền VNĐ                      |          |            |                                |            |           |            |                      |      |            |                   |             |             |             |          |
|          |                    | Các loại khác                 | 1        | 1          | 1                              |            |           |            |                      | 1    |            |                   |             |             |             |          |
| 4        | Hoá học            | Ma túy, tiền chất MT          | 130      | 588        | 563                            |            | 1         | 24         |                      | 588  |            | 553               | 35          |             |             |          |
| 5        | âm<br>thanh        | đọc nội dung ghi âm           | 1        | 1          | 1                              |            |           |            |                      |      |            | 1                 | 1           |             |             |          |
| 6        | sinh học           | dấu vết máu                   | 1        | 1          | 1                              |            |           |            |                      |      |            | 1                 | 1           |             |             |          |
| 7        | pháp y             | tử thi                        | 60       | 60         | 60                             |            |           |            |                      |      |            | 60                | 60          |             |             |          |
| Tổng     |                    |                               | 364      | 4871       | 4583                           | 126        | 117       | 45         |                      | 4809 |            | 1244              | 3688        | 0           | 0           | 0        |

**Phụ lục 6**

**PHỤ LỤC CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH NĂM 2015**

Từ ngày 16/11/2014 đến ngày 16/11/2015 của lực lượng KTHS

| SỐ<br>TT    | LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH |                               | SỐ LƯỢNG   |             | CƠ QUAN TRƯNG CẦU<br>GIÁM ĐỊNH |            |           |            | CƠ QUAN<br>GIÁM ĐỊNH |             |            | KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH |             |             |             | Khước<br>từ |
|-------------|--------------------|-------------------------------|------------|-------------|--------------------------------|------------|-----------|------------|----------------------|-------------|------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|             |                    |                               | VỤ         | YÊU<br>CẦU  | CẢNH<br>SÁT                    | AN<br>NINH | TOÀ<br>ÁN | CQ<br>KHÁC | C54                  | PC54        | CQ<br>KHÁC | XÁC<br>ĐỊNH       | LOẠI<br>TRỪ | XÁC<br>ĐỊNH | LOẠI<br>TRỪ |             |
| 1           | Dấu vết đường vân  |                               | 32         | 2038        | 2038                           |            |           |            |                      | 2038        |            | 7                 | 2031        |             |             |             |
| 2           | Tài liệu           | Chữ viết, chữ ký              | 38         | 1252        | 1206                           |            | 46        |            |                      | 1252        |            | 1252              |             |             |             |             |
|             |                    | Kỹ thuật tài liệu khác        | 23         | 165         | 165                            |            |           |            |                      | 165         |            | 165               |             |             |             |             |
| 3           | Kỹ thuật           | Ký tự đóng chìm trên vật liệu | 45         | 1361        | 1361                           |            |           |            |                      | 1361        |            | 16                | 1343        |             |             |             |
|             |                    | DV trong các vụ TNGT          | 23         | 35          | 35                             |            |           |            |                      | 35          |            | 35                |             |             |             |             |
|             |                    | DV công cụ                    |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | DV trên đầu vỏ đạn            | 1          | 6           | 6                              |            |           |            |                      | 6           |            | 6                 |             |             |             |             |
|             |                    | Tiền VNĐ                      |            |             |                                |            |           |            |                      |             |            |                   |             |             |             |             |
|             |                    | Các loại khác                 | 6          | 13          | 13                             |            |           |            |                      | 13          |            | 13                |             |             |             |             |
| 4           | Hoá học            | Ma túy, tiền chất MT          | 70         | 267         | 255                            |            |           | 12         |                      | 267         |            | 246               | 21          |             |             |             |
| 5           | âm thanh           | đọc nội dung ghi âm           | 2          | 2           |                                |            | 2         |            |                      | 2           |            | 2                 |             |             |             |             |
| 6           | sinh học           | dấu vết máu                   | 2          | 10          | 10                             |            |           |            |                      | 10          |            | 10                |             |             |             |             |
| 7           | pháp y             | tử thi                        | 153        | 153         | 153                            |            |           |            |                      | 153         |            | 153               | 153         |             |             |             |
| <b>Tổng</b> |                    |                               | <b>395</b> | <b>5302</b> | <b>5242</b>                    | <b>0</b>   | <b>48</b> | <b>12</b>  |                      | <b>5302</b> |            | <b>1905</b>       | <b>3548</b> | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    |